



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam
ĐT: (028) 37541889 – 37541812 Fax: (028) 3754.1808 - 37541891
Email: aptco@apt.com.vn Web: www.apt.com.vn

Số: 53 /CV – THS

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 18 tháng 4 năm 2022

V/v Công bố thông tin trên cổng
thông tin điện tử của UBCKNN
và Sở Giao dịch CK Hà Nội
Báo cáo thường niên năm 2021.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

Mã Chứng khoán: **APT.**

Trụ sở chính: Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A,
Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808.

Người thực hiện Công bố thông tin: Ông NGUYỄN THÀNH VINH.

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808.

Di động: 0913724726.

Loại Thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo Thường niên năm.2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên (để công bố TT);
- HĐQT/BKS Công ty (để báo cáo);
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN/
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THÀNH VINH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN (APT).
Năm báo cáo: 2021**



Tháng 04/2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN.**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON AQUATIC PRODUCTS TRADING JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **APT CO.**
- Trụ sở chính: Lô 4-6-8 Đường 1A, P.Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.28) 37541889 - Fax: (84.28) 37541808.
- Website: www.apt.com.vn - Email: aptco@apt.com.vn
- Fanpage: facebook.com/aptfoods, Youtube: youtube.com/aptfoods.
- Vốn điều lệ: 88.000.000.000 đồng (tám mươi tám tỷ đồng).
- GCNĐKKD số 41035759 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006; đăng ký thay đổi lần 09 ngày 23/10/2018 và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 24/02/2021.
- Mã cổ phiếu (nếu có): **APT**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1. Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn (APT) được thành lập do cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty kinh doanh thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh ngày 26/05/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty kinh doanh thủy hải sản thành Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn (Công ty APT). Công ty APT chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103005759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 20/12/2006.

APT chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, nông sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Được thành lập từ năm 1976, đến nay Công ty đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty đều được cấp Code xuất khẩu đi Châu Âu bao gồm Code DL 364, DL 769, HK 155, HK 156, NM 880, DL 878.

Với các yếu tố như: đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng động, công nhân sản xuất chế biến lành nghề, dây chuyền sản xuất hiện đại, cùng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn HACCP, ISO... Công ty rất tự hào vì đã góp phần tạo nên một thế giới thực phẩm an toàn, chất lượng phục vụ cho cuộc sống.

Với năng lực hiện có, hàng năm Công ty sản xuất và chế biến 20.000 - 30.000 tấn thủy hải sản các loại, trong đó 60% dành cho xuất khẩu. Hiện nay, sản phẩm của Công ty có mặt trên 25 quốc gia ở các châu lục và ngày càng mở rộng trong tương lai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 9 (chín) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp bổ sung giấy chứng nhận ĐKKD. Lần thay đổi thứ chín ngày 23/10/2018 và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 24/02/2021.

Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu:’

- + Năm 2001: Huân chương Lao Động hạng 3.
- + Giải thưởng Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao hợp chuẩn 2004, 2005, 2006.
- + Sản phẩm uy tín chất lượng năm 2005
- + Huy chương vàng hội chợ Vietfish 2000, 2003, 2005, 2006, 2007, 2008.
- + Năm 2006: Giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Business Excellent Awards 2006.
- + Thương hiệu Việt Uy tín chất lượng năm 2005, 2006, 2007
- + Năm 2008: Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín của Bộ Công Thương.
- + Năm 2010, 2011, 2013, 2014, 2017, 2018, 2020, 2021: Giấy Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao.
- + Năm 2017, 2018, 2019, 2020: Giấy chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập.
- + Năm 2017, 2019, 2021: Sản phẩm dịch vụ tiêu biểu TP.Hồ Chí Minh.
- + Năm 2017: Doanh nghiệp Thương hiệu Việt tiêu biểu năm 2017 của Ban chỉ đạo Trung ương cuộc vận động: Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.
- + Năm 2016, 2017, 2018 **“đạt chứng nhận VietGap”**, chứng nhận Đơn vị nuôi đạt tiêu chuẩn **“chuỗi sản phẩm an toàn” có giá trị đến năm 2020**.
- + Doanh nghiệp phát triển bền vững 42 năm do Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố trao tặng.
- + Sản phẩm công nghiệp & công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố năm 2020.

2.2. Các sự kiện khác:

Ngày 26/11/2006, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn nhiệm kỳ I do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu ra, gồm 05 người với nhiệm kỳ 05 năm kể từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2011. Danh sách Hội đồng Quản trị (HDQT) cụ thể gồm có:

- | | |
|-------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Chí Thành | Chủ tịch HDQT; |
| 2. Ông Đỗ Văn Vinh | Thành viên HDQT – Tổng Giám đốc; |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Sơn | Thành viên HDQT – P. Tổng Giám đốc; |

4. Ông Nguyễn Văn Công Hậu Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc;

5. Ông Tạ Bá Thuyết Thành viên HĐQT (cổ đông ngoài);

Từ tháng 04/2008, Ông Đào Xuân Đức – người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế Ông Nguyễn Chí Thành do chuyển công tác (*đã báo cáo Đại hội đồng Cổ đông trong kỳ Đại hội thường niên 2008*).

Ngày 21/11/2008, Ủy Ban Nhân Dân TP HCM đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy hải sản Sài Gòn thực hiện bán đấu giá tiếp phần vốn Nhà nước là 36,68% /Vốn điều lệ (VĐL) và chỉ giữ lại phần vốn Nhà nước theo phương án ban đầu là 30%/VĐL. Căn cứ vào Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 27/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn đã tổ chức xong việc bán đấu giá 36,68% /VĐL của phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Tháng 8/2009, thành viên HĐQT tiếp tục có sự thay đổi do Tổng Công Ty Thương Mại Sài Gòn thay đổi người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV. Cụ thể:

Ông Trương Tiến Dũng là Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế Ông Đỗ Văn Vinh do bị Hội đồng Quản trị tạm đình chỉ chức vụ.

Ngày 31/10/2009, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn có Quyết định giảm số lượng người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV từ 05 thành viên xuống còn 03 thành viên (Ông Nguyễn Thanh Sơn Phó TGD và Ông Nguyễn Văn Công Hậu Phó TGD không còn là người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV và từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại Công ty).

Công ty đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường vào tháng 11/2009 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Sau đại hội, các thành viên Hội đồng Quản trị được thay đổi theo danh sách sau:

- | | | |
|--------------------------|---|---------------------------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh | : | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn: | | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Đào Xuân Đức | : | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Trương Tiến Dũng: | | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết | : | Thành viên HĐQT |

Sau Đại hội thường niên 2010, các thành viên HĐQT được thay đổi theo danh sách như sau:

- | | | |
|--------------------------|---|---------------------------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh | : | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Đào Xuân Đức | : | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Trương Tiến Dũng: | | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc |

4. Ông Phùng Công Trí Dũng: Thành viên HĐQT

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 477/TB-VP về việc kết luận thanh tra toàn diện các vấn đề liên quan đến công tác điều hành SXKD và công tác quản lý tổ chức của Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn. Qua đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất theo đề xuất của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, chọn phương án tái cấu trúc lại tổ chức và hoạt động để giúp Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn phục hồi, duy trì hoạt động, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có điều kiện thanh toán công nợ.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh theo GCNĐKKD:

Nuôi trồng thủy sản. Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản. Mua bán, chế biến thủy hải sản. Gia công các mặt hàng thủy hải sản. Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc. Chế biến nước mắm, nước chấm. Sản xuất nước đá. Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại. Sản xuất, mua bán gaz NH₃. Sản xuất các loại cấu kiện từ panel nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp. Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Mua bán bao bì, panel nhựa xốp, mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh. Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng. Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu. Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh. Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí. Cho thuê kho, bãi, kinh doanh bất động sản, bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt, chế biến bảo quản rau quả. Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn, chăn nuôi gia cầm.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ II (2012-2016) gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: Thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Tổng Giám đốc.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) như sau:

Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: Thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng: Thành viên Hội đồng Quản trị

- Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Ông Diệp Phú Vinh: | Trưởng Ban Kiểm soát. |
| 2. Bà Đỗ Ngọc Nga: | Thành viên. |
| 3. Bà Lê Thị Thùy Trang: | Thành viên. |

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018. Ông Diệp Phú Vinh Trưởng ban kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm thành viên Ban Kiểm soát và Ban kiểm soát đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Ông Trần Phát Minh Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị. Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã bầu Ông Hoàng Văn Vỹ làm thành viên Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã bầu Ông Trương Tiến Dũng làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Vào ngày 07/6/2019 Cổ phiếu APT được chính thức giao dịch trên Sàn Upcom (QĐ 322/QĐ-SGCHN ngày 30/5/2019) và thông báo số 583/TB-SGDHN ngày 30/5/2019 về ngày giao dịch đầu tiên). Tuy nhiên ngay từ ngày giao dịch đầu tiên Cổ phiếu APT đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chỉ được giao dịch vào phiên thứ 6 hàng tuần theo thông báo số 613/TB-SGDHN-QLNY ngày 06/06/2019.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 Ông Bùi Tấn Định Trưởng ban Kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã bầu Bà Nguyễn Thị Hồng làm thành viên ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát đã bầu Bà Đỗ Ngọc Nga giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

Vào ngày 30/7/2021 căn cứ qui định tại nghị định 71/2017/NĐ-CP Ông Trương Tiến Dũng đã có đơn xin thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và tiếp tục là thành viên HĐQT Công ty. Hội đồng Quản trị đã chấp thuận và bầu Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Ông Hoàng Văn Vỹ thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm và Bà Đỗ Ngọc Nga Trưởng ban Kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu Bà Đỗ Ngọc Nga làm thành viên Hội đồng Quản trị và bầu Ông Vũ Minh Bảo làm thành viên ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát đã bầu Ông Vũ Minh Bảo giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng Cổ đông.

Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

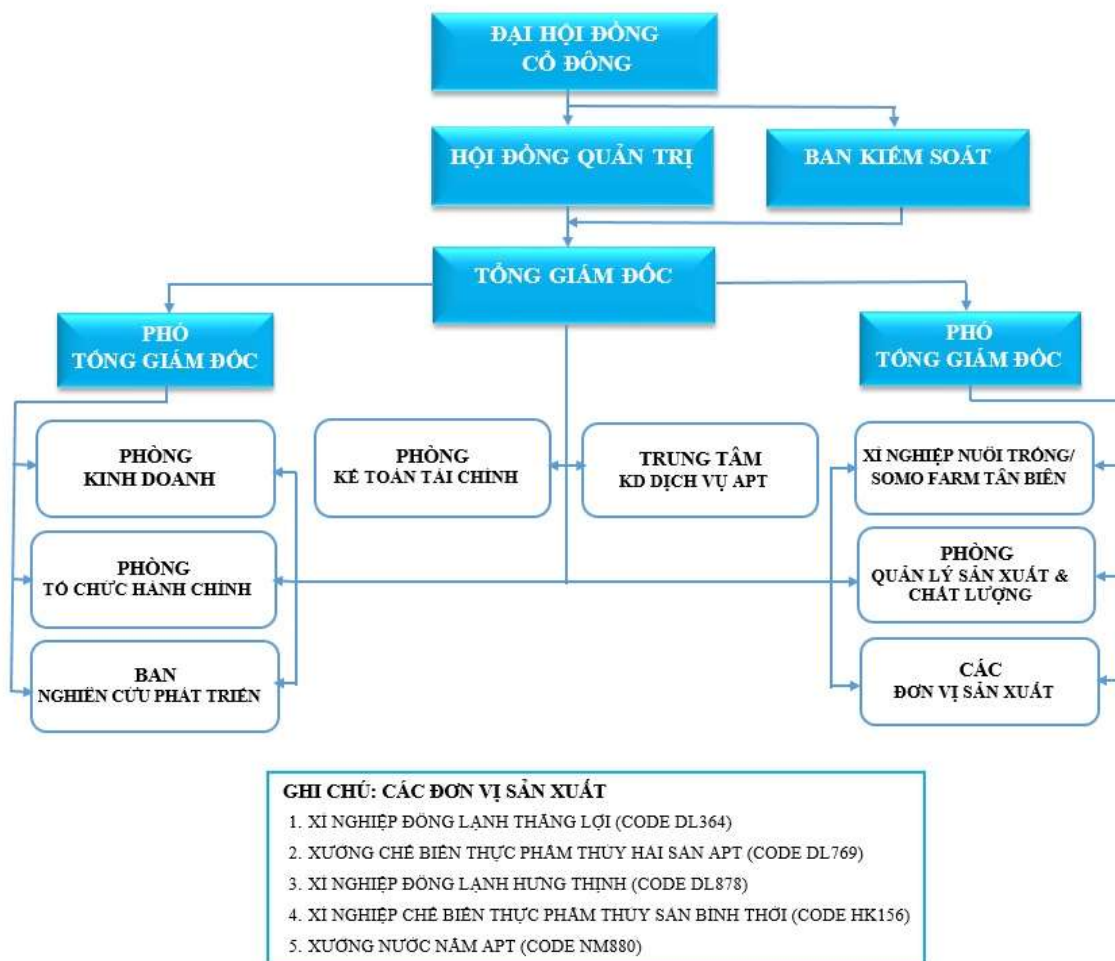
- Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị công ty hiện có 03 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm.

- Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành của công ty, kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát công ty hiện có 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT

Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn



- Các Công ty con, Công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết): Không có.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển:

- Xây dựng phương án khả thi khai thác có hiệu quả các mặt bằng; Thực hiện phương án tái cấu trúc Công ty từng bước nhằm lành mạnh hóa tài chính.

- Trên tinh thần khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có, hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm nâng cao đời sống cho người lao động.

- Công ty APT cam kết cung ứng thực phẩm chế biến thủy hải sản “*Chất lượng cao - giàu chất dinh dưỡng - an toàn và tiện lợi*”, phấn đấu trở thành một trong những thương hiệu Việt chuyên nghiệp và uy tín với người tiêu dùng.

- Mục tiêu đặt ra cho những năm sắp tới là các chỉ tiêu kế hoạch SXKD phải có tốc độ tăng trưởng hàng năm tăng từ 10% - 20%. Sớm hoàn tất công tác quyết toán giai đoạn Nhà nước và thoái hết vốn Nhà Nước theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

- Sau khi tình hình tài chính được lành mạnh hóa, mục tiêu hướng đến là kim ngạch xuất khẩu phải đạt trên 10.000.000USD. Kinh doanh nội địa trở thành nhà cung cấp với đa dạng hóa mặt hàng, doanh thu đạt trên 200 tỷ.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

5.2.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

*** Xuất khẩu:**

- Phấn đấu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên trên 50% công suất Nhà máy.

- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.

- Khách hàng & thị trường: Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống (*Hà Lan, Mỹ, Hàn Quốc, Úc và các nước Asean*), nối lại mối quan hệ với một số khách hàng ở thị trường Trung Quốc, Nhật để xuất khẩu các mặt hàng chế biến khô của Công ty. Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường Xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean, Japan ... Phấn đấu mỗi thị trường có ít nhất từ 1 – 2 khách hàng mới

- Chỉ tiêu kim ngạch: Phấn đấu chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu bình quân mỗi năm tăng từ 10 - 15 %/năm.

- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt các loại cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế đông lạnh, và nước mắm, nông sản.

*** Nội địa:**

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành Nhà cung ứng thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, hướng đến những sản phẩm thiết thực đối với bữa ăn của gia đình (*đặc biệt quan tâm đến sản phẩm dành cho các gia*

đình). Xây dựng chiến lược thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT thông qua các chương trình quảng cáo hoặc giới thiệu sản phẩm APT đến người tiêu dùng thông qua phương tiện thông tin thông tấn báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

- Có chiến lược đột phá và nguồn tài chính ổn định cho kế hoạch Marketing dài hạn. Đặc biệt chú trọng phát triển sản phẩm nước mắm, xây dựng **sản phẩm nước mắm là sản phẩm dẫn đường cho thương hiệu “APT”**.

- Với điều kiện thuận lợi về chứng nhận đạt tiêu chuẩn **“chuỗi sản phẩm an toàn”, “đạt chứng nhận VietGap”,** chứng nhận **“Hàng Việt Nam chất lượng cao” “Hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập” “Sản phẩm thương hiệu Việt tiêu biểu của Bộ Công Thương”** tiếp tục là điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu APT đối với ngành hàng thủy hải sản tươi sống, nhất là đối với mặt hàng cá điêu hồng.

- Thị trường: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới phân phối, mở rộng thị trường, tăng cường đưa hàng hóa vào các siêu thị Mega/ Big C/Lotte/ Co.op mart/ Satra mart/ Vissan/ ...bếp ăn tập thể, khu chế xuất, khu công nghiệp, đặc biệt quan tâm đến các kênh chợ truyền thống. Mục tiêu đặt ra là hàng thủy hải sản tươi sống của APT có mặt tại hầu hết các cửa hàng Satra foods và từng bước có mặt tại các hệ thống siêu thị lớn như Coopmart, Big C...vv

- Mặt hàng chính: Tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống APT (*Cá sơ chế các loại; Nước mắm các loại; thủy hải sản tươi sống; Sản phẩm khô; các mặt hàng tinh chế...*). Ngoài ra cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở nhu cầu, xu hướng văn hóa tiêu dùng mới của khách hàng, thị trường.

5.2.2. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ:

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2017 đến năm 2022, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng,...vv.

5.2.3. Chiến lược phát triển các dự án đầu tư:

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.

- Bên cạnh việc duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp, Công ty cần đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

5.2.4. Chiến lược phát triển nuôi trồng:

- Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản và mặt hàng cá điêu hồng của Công ty APT đạt chứng nhận **“chuỗi thực phẩm an toàn”** và **“đạt chứng nhận VietGap”** là điều kiện để phát triển mặt hàng cá nuôi.

- Duy trì phương pháp nuôi an toàn, chất lượng, tạo ra nguyên liệu đáp ứng cho công tác xuất khẩu và cung cấp cho thị trường nội địa **“chuỗi thực phẩm an toàn”**; đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng và có thể truy xuất nguồn gốc đối với các mặt hàng cá điêu hồng, cá trê, cá tra ... cho công tác xuất khẩu.

5.2.5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.
- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.
- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng cũng như những nhân tố ảnh hưởng bất lợi cho nền kinh tế toàn cầu đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kinh tế thế giới hồi phục, đặc biệt tại các nước nhập khẩu thủy sản, sẽ góp phần cho việc hồi phục và tăng sức tiêu thụ hàng hóa thủy sản và làm tăng doanh số bán và hiệu quả hoạt động của Công ty và ngược lại. Bên cạnh đó, các yếu tố vĩ mô khác trong nước như tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty và giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

6.2. Rủi ro về luật pháp:

Về cơ bản, nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Tuy nhiên, việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty mà nhà đầu tư phải lưu ý, đặc biệt là các văn bản chuyên ngành liên quan đến thủy sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.... Mặt khác, các rủi ro liên quan đến việc thay đổi các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo hộ sản xuất... tại các nước nhập khẩu được điều chỉnh liên tục cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản.

Mặt bằng kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuê, trong đó có nhiều diện tích được Nhà Nước cho thuê theo hình thức đất trả tiền thuê đất hàng năm, vì thế trong thời gian tới việc điều chỉnh giá thuê đất của Nhà Nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Công ty đã là Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán và đã thực hiện việc đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ tháng 6 năm 2019, nên hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.3. Rủi ro đặc thù:

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái danh nghĩa giữa VND và các đồng tiền mạnh khác trên thế giới trong thời gian qua mặc dù được kiểm soát nhưng vẫn có những biến động rất thất thường đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại và hoạt động của Công ty cũng

không là ngoại lệ. Trong điều kiện thị trường tài chính vẫn chưa phát triển, các công cụ phát sinh bảo hiểm tỷ giá vẫn chưa được áp dụng thì rủi ro về tỷ giá đối với Công ty là một rủi ro mang tính khách quan khó có thể thay đổi hay giảm thiểu.

Rủi ro tài chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty yêu cầu phải có vốn rất lớn. Tuy nhiên, vốn tự có thấp và thiếu vốn lưu động. Vì vậy, các khoản nợ vay của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản, do vậy rủi ro liên quan đến mức biến động lãi suất cho vay và rủi ro thanh khoản cũng hết sức quan trọng mà nhà đầu tư phải chú ý khi xem xét quyết định. Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Công ty.

Các rủi ro liên quan đến thị trường tiêu thụ: Trong thời gian qua, sản phẩm của Công ty chủ yếu là dành để xuất khẩu nên các biến động của thị trường tại nước nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và đôi lúc có thể coi là khó có thể phòng ngừa. Công ty chỉ có thể giảm thiểu bằng các biện pháp như đầu tư hiện đại hóa các quy trình sản xuất và nuôi trồng để đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe và thay đổi liên tục của các nước nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường, quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng thị trường nội địa...

Rủi ro về nguồn nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu thủy sản trong thời gian qua được đánh giá là thiếu ổn định cả về sản lượng và giá cả. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do việc sản xuất manh mún, thiếu quy hoạch, thiếu sự điều tiết từ phía Nhà nước... Bên cạnh đó sự gắn kết giữa các Doanh nghiệp chế biến và người nuôi trong thời gian không chắc chắn cũng dẫn đến sự không ổn định về nguyên vật liệu cho chế biến. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này thì APT đã và đang đầu tư vào khâu nuôi trồng để chủ động hơn cho việc chế biến, tuy nhiên ngay cả việc tự tổ chức nuôi trồng thủy sản nguyên liệu thì Công ty cũng có thể gặp các rủi ro liên quan như chi phí thức ăn, thời tiết, chất lượng và sản lượng nuôi trồng...

Rủi ro liên quan đến nhân sự và quản lý: Kinh doanh và chế biến thủy sản là ngành sử dụng nhiều lao động và yêu cầu tay nghề ở mức cao, trình độ tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động mà nhà đầu tư phải lưu ý khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu Công ty.

Rủi ro về giá trị cổ phần có thể ảnh hưởng do quyết toán phần vốn Nhà nước chưa thực hiện xong: Cho đến thời điểm lập bản báo cáo thường niên này, mặc dù APT đã hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, tuy nhiên thủ tục bàn giao tại giai đoạn chuyển thể vẫn chưa hoàn tất do nhiều nguyên nhân khách quan. Vì vậy, khi hoàn thành thủ tục quyết toán vốn Nhà nước chính thức thì giá trị doanh nghiệp sẽ có sự thay đổi.

6.4. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021, trước những khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19; căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh; căn cứ vào Khoản 2, Điều 2 của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 về ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp. Ban Điều hành đã trình và được Hội đồng Quản

trị Công ty chấp thuận thông qua việc điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 26/11/2021, cụ thể:

Chỉ tiêu	Số kế hoạch 2021 được giao	Số kế hoạch 2021 đã được điều chỉnh	So sánh KH 2021 (%)
A	1	2	3 = 2/1
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	360	300	83,33%
Kim ngạch XK (USD)	Không điều chỉnh		
Lợi nhuận (tỷ đồng)	5	(6)	

- Kết quả thực hiện năm 2021:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021 (đ/chỉnh)	Thực hiện năm 2021	So sánh	
				%U' TH/ KH 2021	%U' TH/ TH 2020
A	1	2	3	4=3/2	5 = 3/1
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	350,02	300	303,05	101,02%	86,58%
Kim ngạch XK (triệu USD)	6,89	7	7,89	112,79%	114,64%
Lợi nhuận (tỷ đồng)	4,60	(6)	(5,85)		

-(Chỉ tiêu lợi nhuận trên là thuần túy từ kết quả hoạt động kinh doanh, không tính phần phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Sacombank và các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập (nếu có)).

2. Đánh giá chung:

Bước vào thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ III (2017 – 2021), trong điều kiện bối cảnh thế giới và khu vực có những yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen, diễn biến phức tạp hơn so với dự báo, tác động đến phát triển kinh tế trong nước như: Kinh tế thế giới phục hồi và phát triển; liên kết và tự do hóa thương mại vẫn là xu thế chủ đạo nhưng đan xen yếu tố rủi ro; khoa học và công nghệ phát triển tác động mạnh mẽ đến các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội; cạnh tranh chính trị, kinh tế đi đôi với căng thẳng thương mại giữa một số nền kinh tế lớn; biến động chính trị và xung đột xảy ra nhiều nơi; diễn biến căng thẳng ở Biển Đông đe dọa hòa bình chung, đã tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt, từ năm 2020 - 2021, đại dịch Covid-19 chưa từng có trong lịch sử xảy ra trên toàn cầu đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng về mọi mặt, kinh tế thế giới rơi vào tình trạng suy thoái, hậu quả dự kiến kéo dài nhiều năm.

Trong nước, kinh tế vĩ mô dần ổn định. Tuy nhiên, những khó khăn, hạn chế nội tại của nền kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ tới phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Ảnh hưởng từ bên ngoài gia tăng, cạnh tranh ngày càng gay gắt; tác động của biến

đổi khí hậu ngày càng mạnh, các loại dịch bệnh xảy ra, đặc biệt là đại dịch Covid-19, ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân và khả năng phục hồi kéo dài bởi sức ảnh hưởng vẫn chưa dừng lại, đã làm thay đổi các quan điểm xây dựng năng lực tổ chức hoạt động, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, buộc các doanh nghiệp từng bước phải thích ứng dần với tình hình thực tế hiện nay.

Trong bối cảnh đó, điều kiện Công ty APT với những khó khăn nội tại kéo dài thì những khó khăn phát sinh mới là một áp lực vô cùng lớn để vượt qua. Ban Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phải kiên định, phát huy sức mạnh đoàn kết tập thể, sự chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt bậc, sự quyết liệt, kịp thời trong công tác lãnh đạo, điều hành. Nhất là từ năm 2020 -2021, vừa phải tập trung phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì, phục hồi và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao hàng năm.

Trong quá trình thực hiện hoạt động SXKD, Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

2.1. Thuận lợi:

- Sự thấu hiểu và đồng thuận cao từ Cổ đông, HĐQT quan tâm, chỉ đạo sâu sát, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty trong suốt thời gian qua.

- Ban Điều hành lãnh đạo Người lao động Công ty xây dựng tập thể đoàn kết, gắn bó, đồng thuận trong toàn Công ty tạo nên sức mạnh tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; hoạt động các Đoàn thể tập trung vào công tác vận động, tuyên truyền Người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Điều kiện nhà xưởng, trang thiết bị, máy móc được đầu tư, duy tu, sửa chữa hàng năm, đảm bảo được điều kiện sản xuất, luôn đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định, đạt tiêu chuẩn HCCCP, BRCS, code xuất khẩu,... đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Công ty nhận được nhiều giải thưởng, danh hiệu hàng nội địa như hàng Việt Nam chất lượng cao, hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập, Giải thưởng thương hiệu vàng TP.HCM...vv tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác truyền thông

- Trong thời điểm phòng chống dịch Covid-19 cao độ từ tháng 6/2021, Ban Điều hành đã tạo điều kiện để Người lao động Công ty sớm tiếp cận đủ 2 mũi vaccine phòng chống dịch nên đã bảo toàn được lực lượng lao động.

2.2. Khó khăn:

- Các tồn tại về tài chính giai đoạn trước đây vẫn chưa được giải quyết, Công ty lỗ lũy kế ngày càng tăng do phát sinh lãi vay ngân hàng, không vay vốn ngân hàng,... là những bất lợi trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Việc bão lũ liên tục xảy ra, môi trường ngày càng ô nhiễm,... làm cho nguồn nguyên liệu thủy sản bị thiếu hụt thường xuyên làm giá nguyên liệu tăng cao, tính cạnh

tranh thấp nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, nhất là đối với công tác sản xuất và xuất khẩu.

- Việc đánh bắt hải sản của Việt Nam phải tuân theo qui định IUU đã ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nguyên liệu hải sản hiện nay khan hiếm, không đủ cung ứng cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Do đó, các khách hàng có sản lượng gia công lớn đều giảm hoặc ngưng đặt gia công tại Công ty APT do không đủ nguyên liệu.

- Trong điều kiện khó khăn của Công ty thì việc tăng lương tối thiểu vùng và đóng BHXH theo quy định mới, tăng chi phí cho người lao động, cũng là một trong những khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty trong những năm qua.

- Tình hình lao động ngành thủy sản ngày càng thiếu, trong năm thường xuyên thiếu lao động trên 100 người nên những khi vào mùa vụ chính thì phải sử dụng thêm lao động khoán nên ảnh hưởng đến năng suất.

- Những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Trong đó, *sự bùng phát mạnh của làn sóng covid lần thứ tư từ cuối tháng 4 đến tháng 9/2021 đã kéo theo các đợt giãn cách liên tiếp, tâm lý người lao động bất an. Tổ chức* hoạt động “3 tại chỗ” đã duy trì được sự ổn định, tạo tâm lý an tâm cho người lao động, đảm bảo cơ bản một phần yêu cầu xuất khẩu và cung ứng nội địa nhưng chi phí phòng chống dịch tăng quá cao. Bên cạnh đó, vấn đề logistics không đồng bộ, thống nhất giữa các địa phương gây khó khăn trong lưu thông nguyên liệu, hàng hóa trong thời gian giãn cách để phòng chống dịch, làm cho thiếu nguyên liệu, giá cả không ổn định, biến động liên tục,... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các mặt bằng hợp tác kinh doanh phải đóng cửa, ngưng hoạt động nên mất nguồn thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh; sức mua trên thị trường ngày càng giảm do người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh nội địa trong 02 năm qua.

3. Tổ chức nhân sự:

Danh sách Ban điều hành: Ban Tổng Giám Đốc gồm 03 người bao gồm một Tổng Giám Đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.



3.1. Ông Trương Tiến Dũng: Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 23/11/1975.

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nam.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV*): 1.584.000 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 18% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Kinh tế.

*. Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2000-7/2000: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty CP XNK TH&ĐT TP.HCM (Imexco).

- Từ tháng 08/2000-4/2001: Nhân viên Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco.

- Từ tháng 05/2001-9/2003: Tổ trưởng Tổ kinh doanh Hàng nội địa thuộc Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco.

- Từ tháng 10/2003-6/2005: Phó phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco.

- Từ 8/2000-8/2005: Bí thư Đoàn Công ty Imexco.

- Từ tháng 07/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Imexco- Bình Thuận.
- Từ tháng 08/2005 đến năm 2010: Phó Bí thư/Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn.
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty Thương Mại SG (SATRA) nhiệm kỳ III (2005-2010), nhiệm kỳ III (2010-2015).
- Ủy viên Ban Thường vụ Thành đoàn TP.HCM nhiệm kỳ VIII (2007-2012).
- Ủy viên Ban Chấp hành/Ban thường vụ Hội lương thực thực phẩm TP.HCM nhiệm kỳ IV (2013-2018), nhiệm kỳ IV (2013-2018).
- Phó chủ tịch thường trực Hội lương thực thực phẩm TP.HCM nhiệm kỳ V (2018-2023).
- Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Lương thực Thành phố từ năm 2015 đến nay.
- Từ ngày 15/07/2009 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.
- Từ tháng 4/2019-7/2020. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

3.2. Ông Mai Minh Vương: Phó Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 02/03/1975.
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 500 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00568% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy sản, Cử nhân Kinh tế.
- * Quá trình công tác:
 - Từ tháng 02/2000-2005: Công nhân Tổ tiếp nhận Xưởng chế biến.
 - Từ tháng 01/2006-7/2006: Phó Quản đốc Xưởng Đồ hộp thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi.
 - Từ tháng 08/2006-09/2009: Phó Quản đốc Xưởng Tân Tạo, Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi.
 - Từ tháng 10/2009 -09/2011: Quản đốc Xưởng Đông lạnh Thăng Lợi.
 - Từ tháng 10/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

3.3. Ông Nguyễn Thành Vinh Phó Tổng giám đốc (Được bổ nhiệm từ ngày 01/12/2019).

- Sinh ngày: 16/05/1976

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nam.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 400 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,0045% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Số lượng cổ phiếu đại diện phần vốn Nhà Nước tại Công ty APT 528.000 cổ phiếu # 6% vốn điều lệ

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Thạc sỹ kinh tế

*** Quá trình công tác:**

- Từ năm 1996-2001: Trợ giáo – Trường Trung học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh- Phó Bí thư Đoàn Trường.

- Từ năm 2001-2004: Chuyên trách – Phó Bí thư Đoàn Sở Công Nghiệp.

- Từ năm 2004-2007: Chuyên trách – Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty Công nghiệp in và Bao Bì Liksin.

- Từ năm 2007-2008: Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty Công nghiệp in và Bao Bì Liksin – Phó Giám đốc Công ty Hóa Chất TP Hồ Chí Minh.

- Từ năm 2008-2009: Công ty in Lê Quang Lộc.

- Từ năm 2009-2010: Kinh doanh cá nhân.

- Từ năm 2010-2011: Công ty Cổ phần nhựa Sài Gòn.

- Từ năm 2011-2011: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn.

- Từ năm 2011-2014: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

- Từ năm 2014-30/11/2019: Giám đốc Trung tâm Kinh doanh & Dịch vụ APT - Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

- Từ 01/12/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

- Từ tháng 3/2020 đến nay Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

3.4. Bà Đoàn Thị Thu Hà: Kế Toán trưởng

- Sinh ngày: 03/07/1977.

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nữ.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 3.900 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 0,04431% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán Kiểm toán.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2001-10/2005: Nhân viên kế toán tại Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới, trực thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản.

- Từ tháng 11/2005-2006: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới.

- Từ tháng 01/2007-8/2009: Tổ trưởng kế toán Phòng Kế toán Công ty APT

- Từ tháng 9/2009-8/2010: Kế toán tổng hợp

- Từ tháng 9/2010-2015: Phó phòng Kế toán Tài chính

- Từ tháng 1/2016 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty.

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

3.5 Số lượng Người lao động. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động.

Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021 là 371 người, trong đó:

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng:		
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	184	50%
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 3 tháng đến 36 tháng	76	20%
3	Lao động thời vụ + Thử việc	111	30%
II	Phân theo giới tính:		
1	Lao động nam	134	36%
2	Lao động nữ	237	64%

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
III	Phân theo trình độ:		
1	Sau đại học, đại học	48	13%
2	Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	35	9%
3	CNKT và trình độ khác	288	78%

Nguồn: P.TCHC APT

❖ **Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho Người lao động**

• **Chính sách đào tạo:**

Đào tạo bên trong: được tổ chức tại Công ty với hình thức đào tạo là ngắn hạn và tập trung. Nội dung đào tạo là nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: KCS, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.

Đào tạo bên ngoài: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp; Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn; Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, nhân viên các Phòng ban, KCS. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty đài thọ.

Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các Phòng ban, Xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, SSOP.

• **Chính sách tiền lương, thưởng:**

Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm: Công nhân trực tiếp sản xuất; được trả lương theo sản phẩm làm ra. Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng; được trả lương theo hệ số công việc do Công ty ban hành.

Chế độ ngoài lương chính: Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, tiền ăn giữa ca, nghỉ phép, nghỉ lễ ... theo Luật lao động.

Thưởng: Công ty áp dụng chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm và thưởng đột xuất. Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm, mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.

• **Chính sách trợ cấp:**

Công ty trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

4.1. Các khoản đầu tư lớn:

Góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên vốn điều lệ 60 tỷ đồng trong đó Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn góp 20 tỷ đồng # 40% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần đầu tư SFC góp 30 tỷ đồng # 60% vốn điều lệ. Địa chỉ Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Đến thời điểm hiện nay, về cơ bản Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên đã hoàn tất thủ tục pháp lý xin đầu tư “**Xây dựng trang trại nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín**”. Dự án đang đi đúng mục đích ban đầu, đúng chủ trương của UBND Tỉnh Tây Ninh. Hồ sơ dự án của Công ty đã được Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Tây Ninh thẩm định và chấp thuận (BC thẩm định số 205/BC-SKHĐT ngày 02/7/2021). Tuy nhiên, do tình hình Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên đến nay Công ty Somo Farm Tân Biên chưa hoàn thiện xong các thủ tục pháp lý để chuyển tên khu đất và dự án từ cá nhân sang tên Công ty và chưa triển khai các bước kế tiếp của dự án sau khi được UBND Tỉnh Chấp thuận

4.2. Các Công ty con, Công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết). Không có.

5. Tình hình tài chính

5.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm/
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	166.992.280.452	162.733.662.528	(4.258.617.924)
Doanh thu thuần	350.023.760.332	303.051.074.479	(46.972.685.853)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(205.898.725.269)	(138.489.622.249)	67.409.103.020
Lợi nhuận khác	(151.951.474)	(221.675.817)	(69.724.343)
Lợi nhuận trước thuế	(206.050.676.743)	(138.711.298.066)	67.339.378.677
Lợi nhuận sau thuế	(206.050.676.743)	(138.711.298.066)	67.339.378.677

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i>	0,08	0,07	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,04	0,04	

Chỉ tiêu	Năm	Năm	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	2020	2021	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	7,07	7,40	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	1,29	1,09	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân.			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,42	0,38	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,29)	(0,81)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,12)	(0,30)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,29)	(0,81)	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1. Cổ phần: 8.800.000 cổ phần trong đó không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng, tất cả số cổ phần trên đều là cổ phần phổ thông.

6.2. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2021

Danh mục	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Vốn nhà nước do Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – Satra làm đại diện	2.640.198	30,00	Không có		2.640.198	30,00
Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam (cổ đông lớn)	3.616.102	41,09			3.616.102	41,09
Cổ đông nội bộ (04 người)	5.400	0,06			5.400	0,06

Danh mục	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Cổ đông khác (437 người)	2.543.700	28.85			2.543.700	28.85
Tổng cộng	8.800.000	100,00	-	-	8.800.000	100

6.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

6.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

6.5. Các chứng khoán khác: Không có.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 5.880 tấn.

7.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 6.230.000 KWh

7.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

25.700 m³.

7.3.1. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước cấp KCN Tân Tạo: 11.600 m³

- Nước giếng: 24.100m³

7.3.2. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

7.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

7.4.1. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

7.4.2. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

1. Đánh giá tình hình thực hiện

Những mặt làm được:

- Nhiều năm qua, trong điều kiện Công ty không vay được vốn Ngân hàng, vốn hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc vào nguồn tài chính tích lũy hàng năm nhưng Ban Điều hành Công ty đã linh hoạt, sử dụng nguồn vốn tự có hiệu quả; Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm phát triển thị trường, ngày càng phát triển về hình ảnh thương hiệu, đảm bảo công việc làm ổn định, đời sống cho người lao động ngày càng tốt hơn.

- Các chỉ tiêu thực hiện hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Tuy năm 2021 có điều chỉnh giảm các chỉ tiêu theo kế hoạch (*do ảnh hưởng covid-19*) nhưng doanh thu tăng trưởng so với năm 2016 là 148%, thu nhập bình quân tăng 121%.

- Kiểm soát chặt chẽ tình hình công nợ, không để phát sinh công nợ khó đòi; Không phát sinh hàng tồn kho chậm luân chuyển, kém chất lượng,... ; Hoạt động đảm bảo tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty; Công tác thu hồi nợ không có nhiều thuận lợi nhưng Công ty luôn quyết liệt trong việc tiếp tục đeo bám thu hồi công nợ cũ,...

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tích lũy để đầu tư xây dựng mới một số hạng mục về trang thiết bị, máy móc, nhà Xưởng để tăng năng lực sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh,...

- Ban Điều hành Công ty luôn quan tâm đến đời sống, tạo môi trường làm việc tốt nhất cho Người lao động. Hàng năm, thực hiện điều chỉnh tăng chỉnh lương từ 5-10% cho Người lao động toàn Công ty, đảm bảo tiền lương năm sau cao hơn năm trước; Thực hiện đầy đủ và cao hơn quy định các chính sách an sinh xã hội cho người lao động.

- Luôn kiên định, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn. Năm 2021, là năm với nhiều khó khăn hơn cho công tác điều hành do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Ban Điều hành Công ty đã chủ động xây dựng phương án phòng chống dịch hiệu quả, có giải pháp để Người Lao động sớm được tiêm Vaccine, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD an toàn trong cao điểm bùng dịch. Qua đợt dịch bùng phát mạnh, Công ty đã bảo toàn lực lượng, hoạt động SXKD bắt nhịp ngay khi hoạt động của Thành phố trở lại trạng thái bình thường, thị trường Xuất khẩu & Nội địa không đứt gãy, . . .

1.1. Công tác điều hành:

1.1.1. Về công tác điều hành chung:

Mặc dù có những khó khăn thách thức nhưng Ban Điều hành Công ty đã tận dụng những ưu điểm, những thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để thực hiện công tác điều

hành Công ty đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao hàng năm:

- Ban Điều hành Công ty luôn tìm mọi giải pháp để tháo gỡ, định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm phát triển thị trường và thương hiệu APT; tăng cường hợp tác với những khách hàng tiềm năng, đồng thời mở rộng thêm một số thị trường trong nước và xuất khẩu; Từng bước xây dựng và ngày càng phát triển về hình ảnh thương hiệu; thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đều tăng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị (*trừ kết quả năm 2021 do ảnh hưởng bởi tình hình dịch covid-19, loại trừ các khoản phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập*).

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tích lũy để đầu tư xây dựng mới một số hạng mục về trang thiết bị, máy móc, nhà Xưởng để tăng năng lực sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh,...

- Cơ bản thực hiện công tác quyết toán giai đoạn chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần sau khi có Biên bản chính thức của Kiểm toán Nhà nước KV VIII ngày 26/5/2020, với số tiền phải nộp về ngân sách Nhà nước là 29.384.626.854 đồng. Ban Điều hành đã cùng Satra tiếp tục thực hiện các giải trình, kiến nghị, đề nghị UBND Thành phố và Kiểm toán Nhà nước xem xét, sớm giải quyết nhưng vẫn chưa có kết quả.

- Chấp hành đúng qui định về công bố thông tin đối với Công ty Đại chúng. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, ... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, Cổ phiếu lên sàn Upcom tạo điều kiện cổ đông nắm được thông tin cổ phiếu,...; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo luật định.

- Quan tâm đến đời sống, tinh thần, tạo môi trường làm việc tốt nhất cho Người lao động. Hàng năm thực hiện điều chỉnh tăng chỉnh lương từ 5-10% cho Người lao động toàn Công ty, đảm bảo tiền lương năm sau cao hơn năm trước; Luôn tạo mọi điều kiện để các Đoàn thể, Người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được tham gia các hoạt động phong trào của Công ty, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí trong toàn Công ty; Thực hiện đầy đủ các chính sách về an sinh xã hội cho người lao động.

- Ngay từ đầu năm 2021, Ban Điều hành Công ty đã quyết liệt, chủ động xây dựng kế hoạch, bộ tiêu chí trong công tác phòng chống dịch Covid-19 theo đúng quy định và phù hợp thực tế tại Công ty, chủ động tìm nguồn để Người lao động được tiêm vaccine đúng thời điểm (*tiếp cận nguồn vaccine từ tháng 6, đến ngày 15/8 gần như 100% Người lao động Công ty đã được tiêm mũi thứ 2*)...Khi đợt dịch thứ tư bùng phát phức tạp, Công ty vẫn tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án “3 tại chỗ”, đảm bảo cung ứng hàng hóa, việc làm cho người lao động, không xảy ra bất kỳ tình huống lây nhiễm nào dẫn đến Công ty bị phong tỏa, gián đoạn sản xuất. *Qua thời gian phòng chống dịch căng thẳng, Công ty đã bảo toàn được lực lượng.*

1.1.2. Về hoạt động kinh doanh xuất khẩu:

Công ty APT vẫn là Doanh nghiệp có kinh nghiệm và có một vị thế nhất định đối với ngành hàng thủy hải sản đông lạnh. APT có thế mạnh về mặt hàng cá nước ngọt với quy trình khép kín từ nuôi – chế biến – đảm bảo chất lượng xuất khẩu, nắm bắt kịp thời tình hình nguyên liệu, tìm kiếm nguồn hàng phù hợp, bảo đảm sản lượng cũng như chất lượng hàng hóa, giá cạnh tranh,... Nên nhiều năm qua APT duy trì được các khách hàng truyền thống tại thị trường EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, HongKong,...

- Kim ngạch năm 2021 đạt 7,89 triệu USD - Đạt 97,96% kế hoạch năm 2021 và tăng 12% so cùng kỳ 2020.

- Thương hiệu, sản phẩm cũng như chất lượng hàng hóa của Công ty tại một số thị trường nước ngoài ngày càng được ưa chuộng. Đặc biệt, là thị trường Hàn Quốc, kim ngạch xuất khẩu đã có sự phát triển rõ rệt (*kim ngạch xuất khẩu trực tiếp năm 2016 là 3,42 triệu USD, đến năm 2021 là 7,89 triệu USD – tăng 231%*). Đây là kết quả đáng khích lệ để Công ty có định hướng phát triển, tiếp tục tăng kim ngạch xuất khẩu cho những năm tiếp theo.

- Bên cạnh đó, ngoài duy trì và phát triển thế mạnh về thủy hải sản đông lạnh thì Công ty đã phát triển nhiều sản phẩm mới (*sản phẩm chế biến, khô các loại, mì trứng, bánh phở, bún đông lạnh...*).

- Mặc dù ảnh hưởng tình hình dịch Covid-19, Công ty vẫn giữ vững thị trường xuất khẩu truyền thống, không đứt gãy xuất khẩu và đã phát triển thêm một khách hàng mới là JVB - Nhật và đã xuất hơn 160.000 USD.

Hoạt động xuất khẩu có những kết quả nhất định, là nỗ lực lớn của Ban Điều hành, Công ty phải vượt qua không ít khó khăn để đạt được kết quả trên do nguồn nguyên liệu cá biển ngày càng khan hiếm, một số mặt hàng cá nuôi, nông sản thì không đạt tiêu chuẩn, giá nguyên liệu tăng liên tục, các nước nhập khẩu ngày càng tăng cường kiểm tra về chất lượng sản phẩm,... khách hàng yêu cầu chất lượng ngày càng cao và rào cản kỹ thuật quá chặt chẽ nên tình hình xuất khẩu ngày càng nhiều áp lực.

1.1.3. Về hoạt động kinh doanh nội địa:

Với định hướng chiến lược cung cấp thực phẩm an toàn cho bữa ăn hàng ngày của mỗi gia đình. Công ty đã cung ứng nhiều hàng hóa chất lượng cho thị trường, thực hiện giải pháp chuyển đổi cơ cấu doanh thu phù hợp, phát triển đối với mặt hàng thủy hải sản khô, thủy hải sản tươi sống. Từ năm 2017-2020, doanh thu có sự tăng trưởng và phát triển về mặt thương hiệu trên thị trường nội địa. Hiện nay, Công ty APT là một trong những đơn vị cung ứng thực phẩm uy tín cho các tập đoàn bán sỉ, lẻ, các hệ thống siêu thị lớn trong cả nước như chuỗi cửa hàng Satra Foods, Co.op mart, Mega, BigC,... Đặc biệt, Mặt hàng thủy hải sản tươi sống đã có sự tăng trưởng vượt bậc, hiện APT đang cung cấp trên 100 mặt hàng thủy hải sản tươi sống vào hệ thống Satrafoods, Co.op, BigC.

Năm 2020, Công ty đã khai trương 15 quầy kinh doanh thủy hải sản tươi sống APT tại Co.op mart để phục vụ trực tiếp đến người tiêu dùng những sản phẩm an toàn, chất lượng (*song song thời điểm này thì việc bùng phát dịch Covid-19 kéo dài đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trực tiếp 15 quầy này, không đạt hiệu quả theo kế hoạch đặt*

ra, do năm 2021 mất doanh thu gần 3 tháng vì sản cách, sau đó tình hình khách hàng đến mua hàng tại Co.op giảm, các quầy tươi sống của Co.op chỉ đạt 60% so với những năm trước đây).

Năm 2021, trong thời điểm Thành phố đã thực hiện giãn cách kéo dài gần 3 tháng, tình hình hoạt động kinh doanh nội địa gặp không ít khó khăn trong việc giao nhận hàng hóa. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh nội địa, cung ứng kịp thời theo yêu cầu, không để đứt gãy chuỗi cung ứng.

Tuy có rất nhiều nỗ lực, nhưng sự ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh như các trường học, bếp ăn đóng cửa để nghỉ tránh dịch, các chợ đầu mối đóng cửa để phòng chống dịch; doanh thu bán hàng tại các hệ thống giảm đáng kể do một số Siêu thị đóng cửa ngưng nhận hàng gần 3 tháng. Do đó, kết quả thực hiện năm 2021 của mảng nội địa không đạt kế hoạch, doanh thu năm 2021 chỉ đạt 85%/KH 2021, giảm 10%/2020, bên cạnh đó nhiều chi phí phát sinh trong công tác phòng chống dịch đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh.

Mặc dù có khó khăn nhưng Công ty cũng đã tham gia tốt chương trình bình ổn giá của Thành phố nhiều năm liền và được Sở Công thương kiểm tra và đánh giá cao những nỗ lực của APT; Công tác truyền thông, xây dựng thương hiệu được thực hiện hiệu quả; Công ty nhận được nhiều giải thưởng, danh hiệu như hàng Việt nam chất lượng cao, sản phẩm dịch vụ tiêu biểu nhiều năm liền, các sản phẩm được công nhận thuộc nhóm sản phẩm chủ lực của Thành phố và đặc biệt là Giải thưởng Thương hiệu vàng TP.HCM năm 2021 (01 trong 30 doanh nghiệp của Thành phố được vinh danh). Đây là điều kiện để Công ty vận dụng phát triển thị trường nội địa.

1.1.4. Về hoạt động nuôi trồng:

Duy trì hoạt động tốt công tác nuôi tại Tiền Giang theo tiêu chuẩn **VietGap**, được cấp chứng nhận **“Chuỗi sản phẩm sạch an toàn”** đối với Cơ sở nuôi và sản phẩm **“Cá điêu hồng”**. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, xây dựng thương hiệu APT có uy tín đối với ngành hàng thủy hải sản tươi sống trên thị trường nội địa. Mặt hàng cá điêu hồng và cá trê là 02 mặt hàng chủ lực cung ứng cho xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc, EU.

Hiện nay, hoạt động nuôi của Công ty có 32 bè cá (22 bè cá điêu hồng tại Ấp Thủy Tây, Xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, 10 bè cá trê tại Ấp Tân An, Xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Bình quân 600 tấn/năm.

Tuy nhiên, hàng năm giá thức ăn thủy sản liên tục tăng, năm 2021 tăng 8 đợt với tổng cộng 3.100 đồng/kg thực phẩm, ảnh hưởng rất nhiều đến giá thành nuôi.

1.1.5. Về hoạt động sản xuất:

Hàng năm, Công ty thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp các trang thiết bị, máy móc,...theo kế hoạch được duyệt, định hướng các hạng mục đầu tư nhằm đảm bảo duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu, các thị trường khác và an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng

cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển.

Năm 2017, từ nguồn vốn tích lũy qua các năm, Công ty đã đầu tư đưa vào khai thác thêm 02 Xưởng mới là Xưởng Nước mắm APT có công suất sản xuất 1.000.000 lít/năm và Xưởng đông lạnh với hệ thống băng chuyền cấp đông tự động có công suất 500kg/h.

Tình hình hoạt động sản xuất nhiều năm qua rất khó khăn do nguồn nguyên liệu khan hiếm, giá nguyên liệu tăng cao nên sản lượng về Xưởng sản xuất rất ít, có thời điểm thiếu nguyên liệu sản xuất; Một số khách hàng gia công lớn của Công ty cũng không mua được nguyên liệu để đưa vào sản xuất; Sản lượng hàng nông sản như sầu riêng, mít, khoai môn,...ngày càng giảm do thương lái Trung Quốc tranh mua và đẩy giá nguyên liệu lên cao nên một số khách hàng nông sản đã giảm sản lượng do không cạnh tranh lại,... Công ty đã tăng cường công tác quản lý, đa dạng hóa mặt hàng nội bộ để ổn định hoạt động sản xuất nhưng sản lượng nguyên liệu về nhà máy vẫn chưa đạt, bình quân chỉ đạt khoảng 60% - 70% công suất, đảm bảo công việc làm ổn định cho Người lao động, đảm bảo chi phí tiền lương, chi phí khấu hao và các chi phí quản lý khác có liên quan.

Năm 2021, Do tình hình dịch bệnh kéo dài, cũng như 3 tháng thực hiện phương án sản xuất 3 tại chỗ, phải tuân thủ các điều kiện nghiêm ngặt về phòng chống dịch nên phát sinh nhiều chi phí liên quan, lực lượng sản xuất chỉ đạt khoảng 30% nên không bố trí được liên chuyển, năng suất thấp, chủ yếu là phục vụ kinh doanh nội bộ, không nhận được đơn hàng gia công nên cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất. Doanh thu chỉ đạt 69%/Kế hoạch và không hiệu quả.

1.1.6. Về công tác hợp tác kinh doanh, khai thác kho:

Về cơ bản, những năm qua Công ty đã khai thác triệt để và có hiệu quả các dịch vụ về kho bãi, lưu trữ hàng đông lạnh xuất khẩu, hợp tác kinh doanh tại các mặt bằng Công ty đang quản lý. Tuy nhiên, năm 2021 cũng gặp không ít khó khăn do đại dịch Covid-19, nhiều mặt bằng phải tạm dừng hoạt động nhiều tháng liền do một số đối tác HTKD đã ngưng kinh doanh, một số khác đề nghị ngừng hợp tác. Năm 2021 đạt 92,29%/ kế hoạch.

1.1.7. Về công tác quản lý chất lượng:

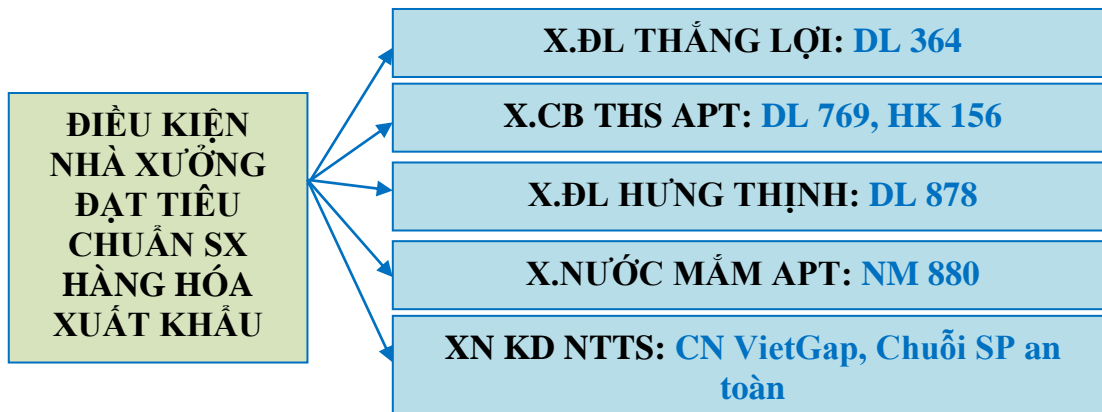
Với phương châm phát triển bền vững, luôn xem chất lượng hàng hóa là uy tín, mang tính cạnh tranh, nên chất lượng hàng hóa luôn được Công ty quan tâm duy trì. Qua các đợt kiểm tra trong năm của các cơ quan chức năng, các Xưởng sản xuất của Công ty đều đảm bảo điều kiện về an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản theo tiêu chuẩn ngành thủy sản và tiêu chuẩn quốc tế.

Đảm bảo điều kiện sản xuất đối với các trang thiết bị, máy móc, công cụ dụng cụ,... luôn được quan tâm đầu tư sửa chữa thường xuyên, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu và các thị trường khác. Với cơ sở vật chất cơ bản hoàn chỉnh, điều kiện sản xuất đảm bảo theo tiêu chuẩn HACCP, HALAL, BRCS, và đạt code xuất khẩu EU (03 code xuất khẩu thủy hải sản hàng đông lạnh, chế biến DL 364, 769, 878; 01 code xuất khẩu nước mắm NM 880; 01 code xuất khẩu thủy sản khô HK 156).

Thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, nhằm giữ ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty cung cấp ra thị trường nội địa và xuất khẩu.

Phát triển nhiều sản phẩm mới chất lượng phục vụ cho xuất khẩu và nội địa như chả cá thát lát, chả cá viên, tôm viên, mực viên,...

Các Code Xuất khẩu hiện có của Công ty.



1.1.8 Tình hình thực hiện các dự án đầu tư, sửa chữa duy tu, mua sắm thiết bị

Hàng năm, Công ty đã thực hiện đúng chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt. Ban kiểm soát đã xem xét và đánh giá việc thực hiện đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành là đúng đắn và đem lại hiệu quả cho Công ty.

Công tác đầu tư, sửa chữa định kỳ, cũng như các công trình xây dựng mới khi đưa vào khai thác đảm bảo tiêu chuẩn về các điều kiện xuất khẩu, đem lại những kết quả nhất định: Đạt tiêu chuẩn HACCP, BRCS, HALAL,... Duy trì được các code xuất khẩu DL 364 (Xưởng ĐL Thăng Lợi), DL 769 (Xưởng chế biến thực phẩm THS APT), HK156 (Xưởng chế biến Bình Thới) và năm 2018 được cấp thêm 02 Code xuất khẩu DL 878 (Xưởng ĐL Hưng Thịnh), NM 880 (Xưởng Nước mắm APT). Điều kiện nuôi theo tiêu chuẩn Vietgap, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Về dự án đầu tư ra bên ngoài: Từ tháng 10/2020, HĐQT có chủ trương mở rộng sản xuất kinh doanh, hợp tác đầu tư chăn nuôi nhằm tìm kiếm giải pháp vượt qua khó khăn, tình trạng khan hiếm nguyên liệu của ngành thủy sản. Theo đó, Công ty tham gia dự án đầu tư trang trại chăn nuôi Somo Farm Tân Biên với vốn điều lệ 50 tỷ đồng (Công ty APT đã góp 20 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ và Công ty Cổ phần đầu tư SFC Cổ đông lớn của Công ty góp 60% vốn điều lệ):

- Ngày 08/12/2020 Somo Farm Tân Biên nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3901307553 - do Sở KH&ĐT tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08/12/2020.

- Ngày 22/12/2020, Công ty TNHH Somo Farm Tân Biên đã gửi Sở KH&ĐT tỉnh Tây Ninh văn bản và hồ sơ đề nghị được thực hiện dự án đầu tư xây dựng “Xây dựng trang trại nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín”.

- Ngày 07/7/2021 UBND tỉnh Tây Ninh ra quyết định số 1445/QĐ-UBND Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư là Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên.

Đến thời điểm hiện nay, về cơ bản Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên đã hoàn tất thủ tục pháp lý xin đầu tư **“Xây dựng trang trại nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín”**. Dự án đang đi đúng mục đích ban đầu, đúng chủ trương của UBND Tỉnh Tây Ninh. Hồ sơ dự án của Công ty đã được Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Tây Ninh thẩm định và chấp thuận (BC thẩm định số 205/BC-SKHĐT ngày 02/7/2021). Tuy nhiên, do tình hình Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên đến nay Công ty Somo Farm Tân Biên chưa hoàn thiện xong các thủ tục pháp lý để chuyển tên khu đất và dự án từ cá nhân sang tên Công ty và chưa triển khai các bước kế tiếp của dự án do ảnh hưởng Đại dịch Covid-19 sau khi được UBND Tỉnh chấp thuận.

1.1.9. Công tác tổ chức:

Ban Điều hành sử dụng tốt nguồn nhân lực, kịp thời điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự cho phù hợp với từng vị trí, năng lực công tác, nâng vai trò trách nhiệm, năng lực của cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu trong mọi thời điểm; Định biên nhân sự của từng Phòng, Đơn vị đảm bảo năng suất lao động cao; Quan tâm công tác đào tạo cán bộ quản lý nhằm chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lâu dài, tạo nguồn cho HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí nhân sự phù hợp khi cần thiết.

Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung kịp thời phù hợp với pháp luật hiện hành; Cập nhật, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống thang bảng lương đóng bảo hiểm theo quy định mới, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác PCCC và Phòng chống bão lũ luôn được quan tâm và thường xuyên triển khai thực hiện. Thông qua các Đoàn thể, thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức NLD về an toàn – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, các phương tiện phòng chống cháy nổ, xây dựng đầy đủ nội quy, quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

1.1.10 Công tác phối hợp Đoàn thể - Chăm lo đời sống:

Chính quyền và Công đoàn phối hợp triển khai thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; Tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2021. Thông qua Hội nghị NLD, đối thoại định kỳ, Lãnh đạo Công ty đã giải đáp thỏa đáng các ý kiến đóng góp của người lao động, không có đơn thư, khiếu kiện của người lao động.

Song song với công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành Công ty đã tạo điều kiện để Đoàn thể phát động các phong trào thi đua, thực hiện những chính sách chăm lo đời sống, vật chất cho Người lao động thông qua nhiều hình thức khác nhau (*nhiều năm qua do lỗ lũy kế nên Công ty không trích được nguồn quỹ phúc lợi để chăm lo cho NLD*). Tuy nhiên, với truyền thống đoàn kết – yêu thương – trách nhiệm, cũng như để người lao động an tâm gắn bó với Công ty. Ban Điều hành Công ty đã phối

hợp cùng Công đoàn thực hiện vận động HĐQT, Ban Điều hành, Cán bộ quản lý và khách hàng thân thiết đóng góp chăm lo cho NLD vui Xuân, đón Tết hàng năm và các trường hợp đột xuất).

Tạo điều kiện cho Công đoàn tổ chức các sân chơi bổ ích, phù hợp cho Người Lao động. Về cơ bản, điều kiện của người lao động đã được cải thiện rất tốt qua từng năm, môi trường làm việc đảm bảo để người lao động an tâm công tác.

Ngoài ra, Công ty thực hiện tốt công tác hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái cho người nghèo, hoàn cảnh khó khăn tại các địa phương tại Củ Chi, tại các trung tâm khuyết tật,...

2. Tình hình tài chính & công nợ

Công tác quản lý tài chính đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định; Thực hiện kiểm soát, quản lý chặt chẽ công nợ, cân đối và sử dụng mọi nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; Quản lý chặt chẽ chi tiêu, tiết kiệm chi phí sản xuất và kinh doanh; Giám sát chặt chẽ các đơn vị sử dụng vốn lưu động, hàng hóa tồn kho, hàng hóa luân chuyển, công nợ....;

Do điều kiện về tài chính, nợ ngân hàng, lỗ lũy kế kéo dài nên Công ty không tiếp cận được các nguồn vốn vay. Nguồn vốn chủ yếu để duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động là nguồn vốn tích lũy từ hiệu quả SXKD và khấu hao hàng năm.

Theo báo cáo tài chính tính đến ngày **31/12/2021**, tình hình lỗ lũy kế của Công ty là **- 1.077 tỷ đồng**, do đó đã làm âm nguồn vốn chủ sở hữu là **987,77 tỷ đồng**.

Khoản lỗ lũy kế trên thực chất là khoản lỗ do phát sinh lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Sacombank (*nợ Ngân hàng TMCP Phương Nam trước đây*) và xử lý dự phòng công nợ, hàng tồn kho... của những năm từ 2009 trở về trước. Từ năm 2010 đến nay, Công ty đã từng bước khôi phục hoạt động SXKD, từng bước ổn định.

2.1. Tình hình tài sản.

Công ty đã kiểm soát tốt tình hình công nợ phát sinh, không để công nợ tồn đọng kéo dài. Đôn đốc thu hồi công nợ khó đòi cũ.

Quản lý tốt luân chuyển hàng hóa tồn kho, hạn chế phát sinh hàng tồn kho lâu ngày, kém và mất phẩm chất.

Bộ máy tài chính kế toán của Công ty ngày càng tinh gọn, quy chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với tình hình tài chính hiện nay của Công ty.

Tiếp tục phối hợp Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH MTV tập trung công tác hoàn tất hồ sơ để quyết toán giai đoạn Nhà nước.

Với những khó khăn về vốn, không vay được vốn ngân hàng trong hơn 10 năm qua do những tồn tại cũ. Công ty cân đối và sử dụng mọi nguồn vốn hiện có cho sản xuất

kinh doanh một cách hợp lý và hiệu quả theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn

2.2. Tình hình nợ phải thu.

Tính đến ngày 31/12/2021, nợ phải thu khó đòi còn lại gần **111 tỷ đồng**. Khoản công nợ khó đòi trên đã được trích lập dự phòng 100% và đã khởi kiện ra TAND, Thi hành án yêu cầu thanh toán nợ.

Với mọi giải pháp và nỗ lực, trong năm 2021 cũng như nhiều năm qua Ban Điều hành Công ty tiếp tục đeo bám để giải quyết các hồ sơ đã khởi kiện, đang thi hành án, các vụ việc đang thi hành án có khả năng thu nợ rất thấp do những người phải thi hành án không còn tài sản hoặc không có khả năng trả nợ, có trường hợp người nợ đã qua đời không để lại di sản thừa kế. Đối với các vụ việc người phải thi hành án có tài sản nhưng tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm vay nên các tài sản này phải được ưu tiên khi thanh lý trả cho các khoản vay của ngân hàng, sau khi đã trả xong cho ngân hàng thì mới đến các chủ nợ khác. Mặt khác, thường các khoản vay ngân hàng của các bị đơn thường cao hơn giá trị hiện tại của các tài sản bảo đảm nên rất khó để thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty.

2.3. Tình hình nợ phải trả.

Theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty APT và Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước về quyết toán chuyển thể. Đến thời điểm 31/12/2021, số liệu nợ phải trả quá hạn kéo dài chưa cân đối được nguồn tiền để thanh toán **1.109.642.818.271** đồng:

- › Phải trả Tổng công ty TM Sài Gòn-TNHH MTV lãi vay vốn : 24.799.354.131 đồng
- › Phải trả nợ quá hạn NH TMCP Sài Gòn Thương Tín : 464.646.000.000 đồng
- › Phải trả lãi vay NH TMCP Sài Gòn Thương Tín : 620.197.464.140 đồng

Đối với khoản nợ Ngân hàng Sacombank - 1.084.843.464.140 đồng: Các giải pháp xử lý nợ trước đây như chuyển nợ vay thành vốn góp điều lệ, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện việc tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố đã được Đại hội cổ đông Công ty thông qua nhiều năm và theo chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành Công ty đã xây dựng thành các phương án để đàm phán với Ngân hàng nhưng không thể thực hiện được do cơ chế pháp lý. Hiện nay, Công ty đang đề xuất phương án hai bên cùng tìm kiếm nhà đầu tư mua lại khoản nợ vay này.

Đối với khoản công nợ phải trả Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV: Theo số liệu trong giai đoạn đối chiếu, hoàn tất hồ sơ quyết toán giai đoạn Nhà nước, APT còn khoản công nợ phải trả SATRA là **24.799.354.131 đồng**, đây là khoản lãi vay phát sinh do Công ty vay vốn kinh doanh trước đây.

Công ty APT cũng đã có văn bản đề nghị Satra xem xét chính sách miễn, giảm khoản lãi này vì hiện nay Công ty không còn khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn vì đang gặp khó khăn rất lớn về vốn lưu động để kinh doanh.

Trong năm 2020, Satra và Công ty APT đã ký biên bản xác nhận giảm cổ tức vốn nhà nước năm 2007. Theo đó, Công ty đã hạch toán xóa nợ phải trả đối với khoản cổ tức chia vốn nhà nước là 1.965.713.000 đồng.

Ngoài ra, còn khoản nợ phải nộp trả ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 29.384.626.854 đồng, bao gồm:

Theo báo cáo tài chính đến thời điểm 31/12/2021, Công ty phải nộp NSNN số tiền **11.267.612.814 đồng**. Tuy nhiên, Biên bản chính thức của Kiểm toán Nhà nước KV VIII ngày 26/5/2020, Công ty APT phải nộp về ngân sách Nhà nước số tiền là **29.384.626.854 đồng**. Bao gồm:

- Vốn cấp xây dựng Nhà máy Tân Tạo sau khi XĐGTDN: 11.178.114.000 đồng.

- Khoản phải nộp ngân sách theo Biên bản kiểm tra BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần là 3.215.602.398 đồng.

- Số tiền bị truy thu của giai đoạn DNNN là 14.990.910.456 đồng.

Trên cơ sở số liệu theo Kết luận Kiểm toán, Ban Điều hành Công ty đã cùng Satra tiếp tục thực hiện các giải trình, kiến nghị, đề nghị UBND Thành phố và Kiểm toán Nhà nước xem xét, sớm giải quyết một số nội dung vẫn chưa có kết quả (*nội dung chi tiết tại báo cáo tổng hợp tình hình quyết toán chuyển thể giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước trong năm 2020*). Một số nội dung kiến nghị đang chờ giải quyết:

- Kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, không căn cứ vào Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT-2018 của Hội đồng Quản trị Công ty để giải quyết các kiến nghị tại Công văn số 171/CV-THS ngày 24/12/2021 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

- Tiếp tục kiến nghị xem xét, miễn thu hồi số tiền 2.913.551.576 đồng (*là khoản lãi gộp của lô hàng xuất bán năm 2006 nhưng hạch toán doanh thu năm 2007 và số tiền 10.374.467.954 đồng là số tiền chi có tính chất phúc lợi cho người lao động hạch toán vào chi phí năm 2004, 2005, 2006*).

Trong quá trình thực hiện, Ban Điều hành đã kịp thời báo cáo và xin ý kiến HĐQT, tiếp tục gửi văn bản trình UBND TP xem xét không thu hồi số tiền này. Trong trường hợp không được xem xét, Ban Điều hành sẽ tham mưu phương án về lộ trình nộp trả ngân sách Nhà nước trình UB tiếp tục xem xét.

Điều kiện về tình hình tài chính của Công ty APT vẫn còn quá nhiều khó khăn, nguồn vốn kinh doanh hạn hẹp nhưng vẫn phải tiếp tục duy trì hoạt động SXKD, ổn định công việc làm cho 500 lao động trong những năm qua là một nỗ lực không ngừng của HĐQT, Ban Điều hành và Người lao động Công ty. Việc phải thanh toán các khoản phải trả ngân sách Nhà nước, nợ lãi cho Satra và các khoản nợ phải trả đã quá hạn Ngân hàng Sacombank đối với Công ty APT là rất khó thực hiện, nằm ngoài khả năng Công ty. Nếu không có giải pháp tài chính phù hợp sẽ làm ảnh hưởng dẫn đến ngừng trệ mọi hoạt động của Công ty, làm cho hàng trăm người lao động sẽ mất công ăn việc làm gây bất ổn xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Công tác kế hoạch đầu tư: Công ty mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn code châu Âu và an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển.

- Trong năm tài chính 2021, Công ty chưa thực hiện hết chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt do gặp khó khăn.

- Trong năm 2021, Công ty đã được Hội đồng Quản trị duyệt kế hoạch đầu tư sửa chữa cơ sở hạ tầng, mua sắm & sửa chữa máy móc thiết bị với số tiền là 7,42 tỷ đồng và Công ty đã thực hiện 3,07 tỷ đồng – 41,37 %/KH.

2. Về công tác khởi kiện, thu hồi công nợ, giải quyết khoản nợ vay Ngân Hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây).

2.1 Công tác khởi kiện, thu hồi công nợ:

Tính đến ngày 31/12/2021, nợ phải thu khó đòi còn lại gần 111 tỷ đồng. Khoản công nợ khó đòi trên đã được trích lập dự phòng 100% và đã khởi kiện ra TAND, Thi hành án yêu cầu thanh toán nợ.

Với mọi giải pháp và nỗ lực, trong năm 2021 Ban Điều hành Công ty tiếp tục đeo bám để giải quyết các hồ sơ đã khởi kiện, đang thi hành án, các vụ việc đang thi hành án có khả năng thu nợ rất thấp do những người phải thi hành án không còn tài sản hoặc không có khả năng trả nợ, có trường hợp người nợ đã qua đời không để lại di sản thừa kế. Đối với các vụ việc người phải thi hành án có tài sản nhưng tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm vay nên các tài sản này phải được ưu tiên khi thanh lý trả cho các khoản vay của ngân hàng, sau khi đã trả xong cho ngân hàng thì mới đến các chủ nợ khác. Mặt khác, thường các khoản vay ngân hàng của các bị đơn thường cao hơn giá trị hiện tại của các tài sản bảo đảm nên rất khó để thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty.

2.2 Công tác giải quyết công nợ quá hạn phải trả.

+Đối với khoản nợ vay Ngân hàng Sacombank: Các giải pháp xử lý nợ trước đây như chuyển nợ vay thành vốn góp điều lệ, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện việc tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố đã được Đại hội cổ đông Công ty thông qua nhiều năm và theo chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành Công ty đã xây dựng thành các phương án để đàm phán với Ngân hàng nhưng không thể thực hiện được do cơ chế pháp lý. Hiện nay, Công ty đang đề xuất phương án hai bên cùng tìm kiếm nhà đầu tư mua lại khoản nợ vay này.

+ Đối với khoản công nợ phải trả Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV (SATRA):

Theo số liệu trong giai đoạn đối chiếu, hoàn tất hồ sơ quyết toán giai đoạn Nhà nước, APT còn khoản công nợ phải trả SATRA là **24.799.354.131 đồng**, đây là khoản lãi vay phát sinh do Công ty vay vốn kinh doanh trước đây.

Công ty APT cũng đã có văn bản đề nghị Satra xem xét chính sách miễn, giảm khoản lãi này vì hiện nay Công ty không còn khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn vì đang gặp khó khăn rất lớn về vốn lưu động để kinh doanh.

+ Đối với khoản nợ ngân sách Nhà nước 29.384.626.854 đồng:

- Trên cơ sở số liệu theo Kết luận Kiểm toán Kiểm toán Nhà nước KV VIII, Ban Điều hành Công ty đã cùng Satra tiếp tục thực hiện các giải trình, kiến nghị, đề nghị UBND Thành phố và Kiểm toán Nhà nước xem xét, sớm giải quyết một số nội dung vẫn chưa có kết quả.

- Điều kiện về tình hình tài chính của Công ty APT vẫn còn quá nhiều khó khăn, nguồn vốn kinh doanh hạn hẹp nhưng vẫn phải tiếp tục duy trì hoạt động SXKD, ổn định công việc làm cho 500 lao động trong những năm qua là một nỗ lực không ngừng của HĐQT, Ban Điều hành và Người lao động Công ty. Việc phải thanh toán các khoản phải trả ngân sách Nhà nước, nợ lãi cho Satra và các khoản nợ phải trả đã quá hạn Ngân hàng Sacombank đối với Công ty APT là rất khó thực hiện, nằm ngoài khả năng Công ty. Nếu không có giải pháp tài chính phù hợp sẽ làm ảnh hưởng dẫn đến ngừng trệ mọi hoạt động của Công ty, làm cho hàng trăm người lao động sẽ mất công ăn việc làm

3. Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty đề ra, đã có nhiều cố gắng điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.

Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành của Công ty đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết Hội đồng Quản trị, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, chăm lo tốt đời sống người lao động, không để xảy ra các cuộc đình công. Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo các vấn đề đột xuất xảy ra trong Công ty để Hội đồng Quản trị nắm bắt và có chỉ đạo kịp thời.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Năm 2022 là năm khởi đầu cho nhiệm kỳ IV (2022-2027) của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và là năm hoạt động thứ 16 của Công ty APT theo mô hình Công ty Cổ phần. Năm 2022 là năm mà Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành quyết liệt sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, khôi phục, phát triển, định hướng hoạt động cho cả nhiệm kỳ 5 năm với mục tiêu tạo ra những bước ngoặt đột phá cho Công ty tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển vững mạnh những năm kế tiếp. Với mục tiêu nêu trên Hội đồng Quản trị định hướng kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau

- Chỉ đạo, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2022.

- Lãnh đạo Ban Điều hành phối hợp với chủ sở hữu vốn Nhà nước sớm hoàn tất thủ tục quyết toán chuyển thể giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước và xây dựng lộ trình nộp Ngân sách Nhà Nước.

- Nhanh chóng hoàn thiện mô hình quản lý mới để phù hợp với tình hình quản lý thực tế hiện nay của Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả và khắc phục nhanh các nhược điểm hiện nay trong công tác quản lý nhất là bộ phận quản lý gián tiếp của Công ty hiện nay.

- Tăng cường công tác giám sát tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bảo đảm các số liệu được cập nhật liên tục, đồng bộ nhất quán giúp HĐQT cập nhật kịp thời thông tin, có định hướng chỉ đạo nhanh chóng ngăn chặn các rủi ro tiềm ẩn cho Công ty.

- Tìm kiếm các phương án, giải pháp để xử lý khoản nợ vay với Ngân hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây), hoàn trả ngân sách Nhà nước, xử lý nợ với Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH MTV./.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng Quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:



Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2017-2022) được bầu theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh - Chủ tịch HĐQT.

- Thành viên không điều hành.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2. Ông Trương Tiến Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.584.000 Cổ phần (Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV) chiếm tỷ lệ 18 %.

3. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy -Thành viên HĐQT

- Thành viên không điều hành.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 18,365% (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam)..

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019. Ông Trần Phát Minh đã có đơn xin từ nhiệm và được Đại hội biểu quyết chấp thuận. Ông Hoàng Văn Vỹ đã được Đại hội bầu chọn là thành viên Hội đồng Quản trị mới thay thế Ông Trần Phát Minh. Sau đó Hội đồng Quản trị cũng đã bầu Ông Trương Tiến Dũng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đại hội đồng Cổ đông cũng đã biểu quyết chấp thuận cho Ông Trương Tiến Dũng Chủ tịch Hội đồng Quản trị được tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty trong thời hạn cho phép của nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Vào ngày 30/7/2020 căn cứ qui định tại nghị định 71/2017/NĐ-CP Ông Trương Tiến Dũng đã có đơn xin thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và tiếp tục là thành viên HĐQT Công ty. Hội đồng Quản trị đã chấp thuận và bầu Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Ông Hoàng Văn Vỹ thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu Bà Đỗ Ngọc Nga làm thành viên Hội đồng Quản trị thay Ông Hoàng Văn Vỹ. Bà Đỗ Ngọc Nga là người đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam nắm 11,36% tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết).

1.2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

1. Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 bầu ra ngày 15/4/2017 gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên không trực tiếp điều hành. Việc thông tin, trao đổi tình hình giữa các thành viên trong năm vừa qua luôn kịp thời, minh bạch rõ ràng, phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương, chính sách cũng như tạo sự đoàn kết, gắn bó trong Hội đồng Quản trị.

2. Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp thường lệ, lấy ý kiến bằng văn bản 06 phiên để quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến công tác quản trị, điều hành của Công ty.

Sau đây là các nghị quyết, quyết định quan trọng đã được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua:

Stt No.	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-HĐQT	05/01/2021	Phê duyệt KHSXKD năm 2021	100%
02	02/NQ-HĐQT	05/01/2021	Hạch toán các khoản phát sinh khác niên độ vào lỗ lũy kế	100%
03	03/NQ-HĐQT	05/01/2021	Xây dựng Quy chế công bố thông tin Công ty	100%
04	04/NQ-HĐQT/2021	11/3/2021	Tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2021	100%
05	05/NQ-HĐQT/2021	07/4/2021	Trình Đại hội đồng Cổ đông TN 2021 miễn nhiệm Ông Hoàng Văn Vỹ và Bà Đỗ Nnoc Nga	100%
06	06/NQ-HĐQT	26/11/2021	Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm	100%
07	07/NQ-HĐQT	11/2021	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	100%

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 Ông Bùi Tấn Định Trưởng ban Kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông năm

2020 đã bầu Bà Nguyễn Thị Hồng làm thành viên ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát đã bầu Bà Đỗ Ngọc Nga giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

1. Bà Đỗ Ngọc Nga: - Trưởng Ban Kiểm soát.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 11,36% (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam)..

2. Bà Hoàng Thị Hồng - Thành viên Ban Kiểm soát.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

3. Bà Lê Thị Thùy Trang - Thành viên Ban Kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 4% (Người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV)..

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Bà Đỗ Ngọc Nga Trưởng ban Kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu Ông Vũ Minh Bảo làm thành viên ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát đã bầu Ông Vũ Minh Bảo giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty. Ông Vũ Minh Bảo là người đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam nắm 11,36% tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết).



2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trên cơ sở quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, mỗi thành viên được phân công phụ trách những vấn đề phù hợp với chuyên môn. Gồm một số nội dung chủ yếu sau:

1. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc tuân thủ các quy định của luật Doanh nghiệp;

2. Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, việc chỉ đạo và triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm;

3. Giám sát việc thực hiện, chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo đã được HĐQT Công ty ban hành về tình hình hoạt động của Công ty;

4. Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty. Việc ban hành các qui chế, qui định nội bộ được thực hiện chặt chẽ, căn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật;

5. Giám sát tính hợp lý, hợp pháp, mức độ căn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính định kỳ (quý, 6 tháng, năm); xem xét, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm đã được soát xét và kiểm toán của Công ty Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán vào cuối năm tài chính 31/12 hàng năm;

6. Giám sát việc sử dụng vốn, quản lý tài sản của Doanh nghiệp; việc trang bị, đầu tư mua sắm tài sản và việc phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;

7. Giám sát công tác thu hồi công nợ tồn đọng;

8. Thực hiện kiểm tra, giám sát đột xuất khi cần.

9. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị Công ty, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban Điều hành. Trên cơ sở đó, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời kiến nghị những vấn đề có liên quan đến công tác quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty.

- Báo cáo tài chính hàng năm, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC) theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, báo cáo Tài chính được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định của Bộ Tài chính, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12 hàng năm, kết thúc hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm, phù hợp với các chuẩn mực và quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực về tình hình tài chính của Công ty.

- Trong năm 2021 Công ty đã quản lý chặt chẽ công nợ, không để phát sinh thêm công nợ khó đòi.

- Công ty mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn code châu Âu và an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển.

- Hàng năm, Công ty đã thực hiện đúng chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt. Ban kiểm soát đã xem xét và đánh giá việc thực hiện đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành là đúng đắn và đem lại hiệu quả cho Công ty. Cụ thể:

*** Đánh giá về tình hình tài chính:**

- Công tác quản lý tài chính của Công ty được thực hiện đúng theo Điều lệ, Quy chế tài chính Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị; Thực hiện đầy đủ các chế báo cáo tài chính định kỳ theo quy định.

- Công tác quản lý và thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng theo quy định, các khoản thu chi đều có lập phiếu và kèm chứng từ đầy đủ; quỹ tiền mặt được kiểm kê theo quy định; cuối kỳ có đối chiếu xác nhận công nợ.

- Công tác quản lý tài sản và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Bộ tài chính. Cuối năm có kiểm kê, đánh giá đầy đủ; tình hình hàng hóa tồn kho đảm bảo luân chuyển.

- Tình hình quản lý chi phí được thực hiện theo đúng quy chế tài chính của Công ty đã được ban hành.

- Sổ sách chứng từ kế toán thực hiện theo thiết kế phần mềm kế toán đã được cài sẵn, sổ sách được cập nhật, in ra và lưu trữ đầy đủ theo quy định.

*** Đánh giá Hội đồng Quản trị:**

- Trong suốt nhiệm kỳ 2017-2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty; theo sát và kịp thời điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp tình hình thực tế.

- Các Thành viên HĐQT đảm bảo tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong suốt nhiệm kỳ qua.

- HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm nhằm mục tiêu ổn định và tìm mọi cơ hội giải quyết những tồn tại cũ để phát triển Công ty, điều đó thể hiện tại các cuộc họp HĐQT để thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển kế hoạch SXKD hàng năm.

- HĐQT linh động, có các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện các ủy quyền của Đại hội Cổ đông thường niên cho HĐQT giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Cổ đông như xử lý các vấn đề tồn tại tài chính giai đoạn chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước, xử lý nợ vay, tái cấu trúc Công ty,...

Đánh giá về hoạt động của HĐQT trong suốt nhiệm kỳ qua. Mặc dù, trong điều kiện tình hình tài chính Công ty có quá nhiều khó khăn do các tồn tại của giai đoạn trước đây

vẫn chưa được giải quyết, công tác quyết toán giai đoạn Nhà nước chậm nên chưa thể thực hiện được tái cấu trúc Công ty như dự kiến, tình hình nguyên liệu thủy sản ngày càng khó khăn, dịch bệnh covid-19 bùng phát kéo dài từ năm 2020,... Tuy nhiên, HĐQT Công ty đã hết sức nỗ lực để có những chủ trương, giải pháp phù hợp duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển về mặt thương hiệu, đảm bảo công việc làm ổn định cho Người lao động, tiếp tục giải quyết những tồn tại cũ,... Các quyết định của HĐQT trong hai Nhiệm kỳ đều phù hợp với lợi ích của Công ty và các Cổ đông. Các quyết định triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm của HĐQT được ban hành kịp thời và có kiểm tra thường xuyên.

*** Đánh giá Ban Điều hành:**

- Ban Điều hành đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ, chỉ tiêu SXKD theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị hàng năm.

- Mặc dù trong nhiệm kỳ có rất nhiều khó khăn về nguyên liệu, về lao động, về tình hình dịch covid-19 bùng phát kéo dài,... Nhưng Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực, tích cực triển khai thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT đề ra; Xây dựng mối quan hệ hài hòa, đoàn kết, tìm cách tháo gỡ các khó khăn để thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả (*trừ kết quả năm 2021 do ảnh hưởng bởi tình hình dịch covid-19, loại trừ các khoản phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập*); Các giải pháp cải tiến hệ thống quản lý trong Công ty tiếp tục phát huy tác dụng, tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp cho các cán bộ, nhân viên.

- Hoàn thiện các cơ chế quản lý; kiểm soát chặt chẽ tình hình công nợ, không để phát sinh công nợ khó đòi; không phát sinh hàng tồn kho chậm luân chuyển, kém chất lượng,... ; hoạt động đảm bảo tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty; Công tác thu hồi nợ không có nhiều thuận lợi nhưng Công ty luôn quyết liệt trong việc tiếp tục đeo bám thu hồi công nợ cũ,...

- Tăng cường hợp tác với những khách hàng tiềm năng, đồng thời mở rộng thêm một số thị trường trong nước và xuất khẩu; Từng bước xây dựng và ngày càng phát triển về hình ảnh thương hiệu, đảm bảo công việc làm ổn định cho người lao động.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tích lũy để đầu tư xây dựng mới một số hạng mục về trang thiết bị, máy móc, nhà Xưởng để tăng năng lực sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh,...

- Công tác quyết toán giai đoạn chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần sau khi có Biên bản chính thức của Kiểm toán Nhà nước KV VIII ngày 26/5/2020, với số tiền phải nộp về ngân sách Nhà nước là 29.384.626.854 đồng. Ban Điều hành đã cùng Satra tiếp tục thực hiện các giải trình, kiến nghị, đề nghị UBND Thành phố và Kiểm toán Nhà nước xem xét, sớm giải quyết nhưng vẫn chưa có kết quả.

- Chấp hành đúng qui định về công bố thông tin đối với Công ty Đại chúng. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, ... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, Cổ phiếu lên sàn Upcom tạo điều kiện cổ đông nắm được thông tin cổ phiếu,...

- Cải tiến hệ thống quản lý trong Công ty tiếp tục phát huy tác dụng, tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp cho các cán bộ, nhân viên. Hoàn thiện các cơ chế quản lý, gắn trách nhiệm với quyền lợi của người lao động.

- Luôn quan tâm đến đời sống, tạo môi trường làm việc tốt nhất cho Người lao động. Thực hiện đầy đủ và cao hơn quy định các chính sách an sinh xã hội cho người lao động; luôn tạo mọi điều kiện để các Đoàn thể, Người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được tham gia các hoạt động phong trào của Công ty, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí trong toàn Công ty.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo luật định.

*** Công tác phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông của công ty.**

Ban Kiểm soát đã nhận được đầu đủ các thông tin và Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT), Báo cáo kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính hàng năm đã được kiểm toán của Công ty.

Thành viên Ban Kiểm soát tham dự các phiên họp của HĐQT. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm, Ban Kiểm soát cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

Nhận xét:

- Qua thực hiện công tác giám sát hoạt động quản trị và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn nhiệm kỳ 2017-2022. Ban Kiểm soát nhận thấy hoạt động quản trị và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và cán bộ quản lý Công ty đã thực hiện đúng quy định Luật Doanh nghiệp, các văn bản hiện hành của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Nghị quyết của HĐQT và Điều lệ, các quy chế hiện hành của Công ty.

- Công ty tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và khai thác tối đa nguồn lực hiện có, chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật. Hoạt động của các Phòng ban Công ty được quản lý, giám sát và kiểm tra chéo lẫn nhau, số liệu được cập nhật thống nhất thông qua phần mềm kế toán.

- Các khoản thu chi tài chính được thực hiện theo đúng quy định.

- Tình hình an ninh trật tự, an toàn PCCC, an toàn thực phẩm được đảm bảo thực hiện tốt.

- Thu nhập, tiền lương của cán bộ, người lao động được chi theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Các kiến nghị hàng năm của Ban kiểm soát đối với HĐQT và Ban Điều hành cơ bản đã được thực hiện tốt.

2.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

Ngoài các khoản công tác phí phục vụ cho hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không nhận bất kỳ khoản lương, thù lao nào khác.

2.3.1. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SOMO VIỆT NAM	Cổ đông lớn và người đại diện vốn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty	2,007,602	22,81%	3,616,102	41,09%	Đầu tư dài hạn

2.3.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Tiếp tục thực Hợp đồng góp vốn cùng Công ty Cổ phần đầu tư SFC thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên ký năm 2020.

2.3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

- Công ty đã thực hiện đúng qui chế nội bộ về quản trị Công ty

- Công ty đã soạn thảo lại mới Điều lệ tổ chức và hoạt động, qui chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng mẫu của Thông tư 116/2020/TT-BTC và sẽ trình đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt

VI. Báo cáo Tài chính:

Ý kiến của kiểm toán.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 27 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2020, chúng tôi đã đưa Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến các vấn đề về Khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc Chúng tôi tiếp tục đưa ra Ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2021, cụ thể như sau:

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang lỗ lũy kế là 1,077 tỷ đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 987,765 tỷ đồng; số lỗ lũy kế lớn gấp 12,25 lần vốn điều lệ của Công ty (88 tỷ đồng); các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.059 tỷ đồng; tổng số nợ phải trả là 1.150,5 tỷ, lớn gấp 13 lần vốn điều lệ của Công ty; trong đó, tổng số nợ

phải trả quá hạn thanh toán là 1.125,89 tỷ đồng. Các vấn đề này cùng với những vấn đề Công ty đã nêu tại Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định về hoạt động liên tục

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đòi chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: nợ phải thu khách hàng là 71,504 tỷ đồng; công nợ trả trước cho người bán là 5,65 tỷ đồng và nợ phải thu khác là 33,956 tỷ đồng. Toàn bộ số công nợ này đã được trích lập dự phòng gần 100% (chi tiết xem tại Thuyết minh số 05, số 06 và số 07). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang theo dõi một số khoản công nợ phát sinh giai đoạn trước cổ phần hóa trên khoản mục Người mua trả tiền trước ngắn hạn số tiền 389,925 triệu đồng (chi tiết xem tại Thuyết minh số 15), Phải trả ngắn hạn khác số tiền là 4,682 tỷ đồng và số tiền 11,267 tỷ đồng các khoản ứng vốn nhà nước xây dựng nhà xưởng trong giai đoạn cổ phần hóa đang chờ quyết toán (chi tiết xem tại Thuyết minh số 18). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau đây:

Tại thời điểm 31/12/2021 Công ty đã đánh giá lại khoản nợ vay bằng vàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và thực hiện trích lập chi phí lãi vay trong năm

2021 cho toàn bộ khoản vay này theo lãi suất ký kết trên các hợp đồng vay và chưa tính đến lãi quá hạn (xem thuyết minh số 01).

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Toàn văn báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ 09 vào ngày 23/10/2018 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Chủ tịch	
Ông Trương Tiến Dũng	Thành viên	
Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Hoàng Văn Vỹ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Minh Báo	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Bà Đỗ Ngọc Nga	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)
Bà Lê Thị Thùy Trang	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Hồng	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2022

T.M. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trương Tiến Dũng



Số: 2020322-013 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 27 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2020, chúng tôi đã đưa Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến các vấn đề về Khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc Chúng tôi tiếp tục đưa ra Ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2021, cụ thể như sau:

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Vietnam A member of IIA International

aasc.com.vn

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

- Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang lỗ lũy kế là 1,077 tỷ đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 987,765 tỷ đồng; số lỗ lũy kế lớn gấp 12,25 lần vốn điều lệ của Công ty (88 tỷ đồng); các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.059 tỷ đồng; tổng số nợ phải trả là 1.150,5 tỷ, lớn gấp 13 lần vốn điều lệ của Công ty; trong đó, tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 1.125,89 tỷ đồng, tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 1.125,68 tỷ đồng, trong đó nợ liên quan ngân hàng đã quá hạn là 1.084,84 tỷ đồng, nợ phải trả khác là 40,84 tỷ đồng. Các vấn đề này cùng với những vấn đề Công ty đã nêu tại Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định về hoạt động liên tục.
- Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: nợ phải thu khách hàng là 71.504 tỷ đồng; công nợ trả trước cho người bán là 5,65 tỷ đồng và nợ phải thu khác là 33,956 tỷ đồng (chi tiết xem tại Thuyết minh số 05, số 06 và số 07). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.
- Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang theo dõi một số khoản công nợ phải trả phát sinh từ trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước bao gồm: Người mua trả tiền trước ngắn hạn là 0,389 tỷ đồng (Thuyết minh số 15), Phải trả ngắn hạn khác là 4,682 tỷ đồng (Thuyết minh số 18). Bên cạnh đó, Công ty cũng đang theo dõi khoản tiền liên quan đến nguồn vốn Sở Tài chính cấp cho Công ty để thực hiện Dự án Nhà máy Tân Tạo từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến sau thời điểm cổ phần hóa là 11,178 tỷ đồng (Thuyết minh số 18). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau đây:

- Tại thời điểm 31/12/2021 Công ty đã đánh giá lại khoản nợ vay bằng vàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và thực hiện trích lập chi phí lãi vay trong năm 2021 cho toàn bộ khoản vay này theo lãi suất kỳ kết trên các hợp đồng vay và chưa tính đến lãi quá hạn (xem thuyết minh số 01).

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên

Lê Kim Yến

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		88.046.002.946	89.384.348.752
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	8.399.776.339	8.149.781.230
111	1. Tiền		8.399.776.339	8.149.781.230
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	15.000.000.000	25.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	25.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.353.213.033	16.461.995.364
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	84.341.298.279	85.396.059.166
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.193.191.082	5.765.524.560
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	34.816.556.285	36.298.244.251
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(110.997.832.613)	(110.997.832.613)
140	IV. Hàng tồn kho	09	44.312.276.283	35.420.777.437
141	1. Hàng tồn kho		44.312.276.283	35.420.777.437
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.980.737.291	4.351.794.721
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	256.474.167	201.306.010
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.661.819.369	4.088.044.956
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	62.443.755	62.443.755
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		74.687.659.582	77.607.931.700
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		166.484.020	130.926.820
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	166.484.020	130.926.820
220	II. Tài sản cố định		40.929.121.396	44.806.858.254
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	40.929.121.396	44.806.858.254
222	- Nguyên giá		133.430.183.167	132.022.488.107
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(92.501.061.771)	(87.215.629.853)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		365.560.000	365.560.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(365.560.000)	(365.560.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	20.000.000.000	18.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		20.000.000.000	18.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.592.054.166	14.670.146.626
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	13.592.054.166	14.670.146.626
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		162.733.662.528	166.992.280.452

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.150.499.488.286	1.016.046.808.144
310	I. Nợ ngắn hạn		1.147.747.859.060	1.013.490.078.918
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	11.114.163.767	10.612.040.663
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.708.333.592	1.523.810.184
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.301.131.207	2.675.091.781
314	4. Phải trả người lao động		4.333.934.958	4.602.466.512
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.619.174.223	517.142.266
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	764.424.375	716.398.500
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	661.243.951.894	564.928.283.968
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	464.646.000.000	427.898.100.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		16.745.044	16.745.044
330	II. Nợ dài hạn		2.751.629.226	2.556.729.226
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	2.751.629.226	2.556.729.226
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(987.765.825.758)	(849.054.527.692)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(987.765.825.758)	(849.054.527.692)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		88.000.000.000	88.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		88.000.000.000	88.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.831.822.301	1.831.822.301
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.077.597.648.059)	(938.886.349.993)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(938.886.349.993)	(732.835.673.250)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(138.711.298.066)	(206.050.676.743)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		162.733.662.528	166.992.280.452

Người lập

Đoàn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thu Hà

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trương Tiến Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	304.359.628.957	351.433.813.014
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	1.308.554.478	1.410.052.682
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		303.051.074.479	350.023.760.332
11	4. Giá vốn hàng bán	24	260.273.079.649	301.041.371.402
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.777.994.830	48.982.388.930
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	928.186.224	2.681.104.885
22	7. Chi phí tài chính	26	132.805.268.064	205.978.911.242
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>49.672.909.084</i>	<i>45.693.146.617</i>
25	8. Chi phí bán hàng	27	35.580.301.237	39.381.341.139
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	13.810.234.002	12.201.966.703
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(138.489.622.249)	(205.898.725.269)
31	11. Thu nhập khác	29	1.877.835	31.015.783
32	12. Chi phí khác	30	223.553.652	182.967.257
40	13. Lợi nhuận khác		(221.675.817)	(151.951.474)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(138.711.298.066)	(206.050.676.743)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(138.711.298.066)	(206.050.676.743)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(15.763)	(23.415)

Người lập



Đoàn Thị Thu Hà

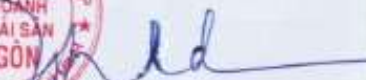
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Thu Hà

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

Trương Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		311.670.100.402	366.247.644.826
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(294.202.487.667)	(321.198.989.230)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(32.207.320.000)	(36.624.690.000)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19.507.296.215	1.410.232.332
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.845.171.231)	(16.858.255.574)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(9.077.582.281)</i>	<i>(7.024.057.646)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(1.518.678.545)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.000.000.000)	(68.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		40.000.000.000	86.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.000.000.000)	(18.000.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.225.623.139	2.765.565.938
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>9.225.623.139</i>	<i>1.246.887.393</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>148.040.858</i>	<i>(5.777.170.253)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.149.781.230	13.836.244.463
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		101.954.251	90.707.020
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>8.399.776.339</u>	<u>8.149.781.230</u>

Người lập

Đoàn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thu Hà

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2022

Trưởng Giám đốc



Trương Tiến Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ 09 vào ngày 23/10/2018 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 88.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 88.000.000.000 đồng; tương đương 8.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 371 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 519 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh các sản phẩm từ thủy sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Ăn uống; Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến; Dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê kho, bãi; Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu;
- Mua bán thủy hải sản; Mua bán thực phẩm; Công nghệ phẩm; Nông sản;
- Chế biến thủy hải sản; Chế biến nước mắm, nước chấm;
- Mua bán thủy hải sản, thực phẩm, nông sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty đang lỗ lũy kế là 1,077 tỷ đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 987,765 tỷ đồng; số lỗ lũy kế lớn gấp 12,25 lần vốn điều lệ của Công ty (88 tỷ đồng); các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1,059 tỷ đồng; tổng số nợ phải trả là 1.150,5 tỷ, lớn gấp 13 lần vốn điều lệ của Công ty; trong đó, tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 1.125,89 tỷ đồng, tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 1.125,68 tỷ đồng, trong đó nợ liên quan ngân hàng đã quá hạn là 1.084,84 tỷ đồng, nợ phải trả khác là 40,84 tỷ đồng. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự hỗ trợ của chủ sở hữu, sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới, tình hình tài chính của Công ty sẽ được cải thiện. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định về hoạt động liên tục.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay 5.833 lượng vàng SJC tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện trích lập chi phí lãi vay trong năm 2021 cho toàn bộ khoản vay bằng vàng và tiền tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền là 49,673 tỷ đồng. Số lãi vay này được trích theo lãi suất ký kết trên các hợp đồng vay và chưa tính đến lãi quá hạn.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông Hải sản Xuất khẩu	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy Hải sản
Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy Hải sản
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xưởng chế biến Hải sản	153 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xưởng chiết rót nước mắm	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến nước mắm
Xưởng đông lạnh Hưng Thịnh	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị được nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định vô hình, các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Các chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản vay bằng vàng của Công ty được đánh giá lại theo tỷ giá vàng niêm yết của ngân hàng cho vay tại ngày kết thúc năm tài chính.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán.

Các khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do đánh giá lại gốc vay vãng...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	483.672.000	105.350.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.470.984.339	8.044.431.230
Tiền đang chuyển	2.445.120.000	-
	8.399.776.339	8.149.781.230

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	-	25.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	15.000.000.000	-	25.000.000.000	-
	15.000.000.000	-	25.000.000.000	-

^(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,4%/ năm đến 6,5%/ năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết	20.000.000.000	-	18.000.000.000	-
- Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên (*)	20.000.000.000	-	18.000.000.000	-
	20.000.000.000	-	18.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT-2020 ngày 14/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty quyết định về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên. Số vốn góp thỏa thuận 20.000.000.000 đồng (40% vốn điều lệ), thời gian giải ngân từ ngày 25/12/2020. Số vốn Công ty đã thực góp cho Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên đến thời điểm ngày 31/12/2021 là 20.000.000.000 đồng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên	Tỉnh Tây Ninh	40,00%	40,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

(T) NH
STY
KIẾ
RA

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công nợ phải thu phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	71.504.310.746	(71.504.310.746)	71.504.310.746	(71.504.310.746)
+ Công ty Cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	(50.793.016.862)	50.793.016.862	(50.793.016.862)
+ Công ty TNHH SX-TM Chợ Lớn	3.370.072.024	(3.370.072.024)	3.370.072.024	(3.370.072.024)
+ Ông Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	(7.659.225.191)	7.659.225.191	(7.659.225.191)
+ DNTN TM Thủy Sản Trung Nam	1.891.453.600	(1.891.453.600)	1.891.453.600	(1.891.453.600)
+ H&S Seafood Trading Inc	1.720.417.455	(1.720.417.455)	1.720.417.455	(1.720.417.455)
+ Ông Hồ Văn Vàng	2.591.340.517	(2.591.340.517)	2.591.340.517	(2.591.340.517)
+ Các đối tượng khác	3.478.785.097	(3.478.785.097)	3.478.785.097	(3.478.785.097)
- AK Trading Co., Ltd	-	-	1.582.075.358	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phước Thành	-	-	751.891.665	-
- Hệ thống các siêu thị thành viên Sài Gòn Co.op	2.104.488.011	-	2.262.841.346	-
- Chen Foods (Sorelle Group Pty., Ltd)	-	-	-	-
- Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	252.803.349	-	474.300.954	-
- Hệ thống các siêu thị thành viên Big C Việt Nam	2.481.877.248	-	2.530.878.192	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.997.818.925	-	6.289.760.905	-
	84.341.298.279	(71.504.310.746)	85.396.059.166	(71.504.310.746)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công nợ ứng trước phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	5.650.000.000	(5.650.000.000)	5.650.000.000	(5.650.000.000)
- Trả trước cho người bán khác	543.191.082	-	115.524.560	-
	6.193.191.082	(5.650.000.000)	5.765.524.560	(5.650.000.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về tạm ứng	235.000.000	-	1.546.000.000	-
- Công nợ phải thu khác phát sinh	33.956.171.410	(33.843.521.867)	33.956.171.410	(33.843.521.867)
- Phải thu về lãi tiền gửi	295.552.942	-	594.558.757	-
- Phải thu khác	286.753.505	-	201.514.084	-
	34.816.556.285	(33.843.521.867)	36.298.244.251	(33.843.521.867)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	166.484.020	-	130.926.820	-
	166.484.020	-	130.926.820	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	111.110.482.156	112.649.543	111.110.482.156	112.649.543
+ Công ty Cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	-	50.793.016.862	-
+ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chợ Lớn	3.370.072.024	-	3.370.072.024	-
+ Ông Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	-	7.659.225.191	-
+ Ông Trương Văn Ruồng	7.845.270.151	-	7.845.270.151	-
+ Ông Phan Trọng Hiệp	6.752.377.240	-	6.752.377.240	-
+ Ông Vũ Lương Phương Trọng	7.485.233.856	-	7.485.233.856	-
+ Đối tượng khác	27.205.286.832	112.649.543	27.205.286.832	112.649.543
	111.110.482.156	112.649.543	111.110.482.156	112.649.543

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.425.302.343	-	5.005.075.289	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.833.466.714	-	3.542.709.316	-
Thành phẩm	30.953.253.070	-	26.759.660.508	-
Hàng hoá	100.254.156	-	113.332.324	-
	44.312.276.283	-	35.420.777.437	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà c/m, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	53.603.256.596	64.190.227.781	64.190.227.781	10.425.807.365	254.023.720	3.549.172.645	132.022.488.107					
- Mua trong năm	-	72.000.000	72.000.000	-	-	-	1.335.695.060					1.407.695.060
Số dư cuối năm	53.603.256.596	64.262.227.781	64.262.227.781	10.425.807.365	254.023.720	3.549.172.645	1.335.695.060					133.430.183.167
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	28.027.252.353	47.609.073.603	47.609.073.603	7.776.107.532	254.023.720	3.549.172.645	87.215.629.853					
- Khấu hao trong năm	2.191.475.940	2.358.401.307	2.358.401.307	733.041.266	-	2.513.405	5.285.431.918					
Số dư cuối năm	30.218.728.293	49.967.474.910	49.967.474.910	8.509.148.798	254.023.720	3.551.686.050	92.501.061.771					
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	25.576.004.243	16.581.154.178	16.581.154.178	2.649.699.833	-	-	44.806.858.254					
Tại ngày cuối năm	23.384.528.303	14.294.752.871	14.294.752.871	1.916.658.567	-	1.333.181.655	40.929.121.396					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.531.952.076 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.296.891.279 đồng

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31/12/2020, tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 365.560.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	256.474.167	201.306.010
	<u>256.474.167</u>	<u>201.306.010</u>
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	23.838.958
- Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo ⁽¹⁾	9.115.809.072	9.480.418.320
- Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền chờ phân bổ ⁽²⁾	3.100.272.703	3.201.868.663
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.311.972.395	1.868.020.685
- Các chi phí khác	63.999.996	96.000.000
	<u>13.592.054.166</u>	<u>14.670.146.626</u>

⁽¹⁾ Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo đã được Công ty trả trước một lần cho cả thời hạn thuê với tổng diện tích 20.340 m². Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 35 năm.

⁽²⁾ Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền đã được Công ty trả trước một lần cho cả thời hạn thuê. Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 50 năm.

13 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng (*)	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam)	427.898.100.000	-	36.747.900.000	-	464.646.000.000	-
	427.898.100.000	-	36.747.900.000	-	464.646.000.000	-

(*) Khoản phát sinh tăng nợ gốc vay trong năm là do đánh giá lại khoản nợ vay vàng SJC.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số dư tại ngày 31/12/2021 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số 011/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 103 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 12%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 103.000.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 249.360.750.000 đồng theo tỷ giá vàng tại ngày 31/12/2020;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 10,8%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 361.646.000.000 đồng.



14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nguyễn Cao Phương Linh	-	-	2.334.399.490	2.334.399.490
- Công Ty CP Bao Bì Giấy An Hạ	1.300.146.485	1.300.146.485	-	-
- Nguyễn Văn Bình	3.648.951.780	3.648.951.780	-	-
- Phạm Văn Trung	-	-	273.400	273.400
- Nguyễn Văn Rười	605.202.612	605.202.612	634.829.208	634.829.208
- Đặng Hoàng Điệp	-	-	1.210.577.500	1.210.577.500
- Nguyễn Thanh Nhân	51.523.270	51.523.270	968.869.650	968.869.650
- Phải trả các đối tượng khác	5.508.339.620	5.508.339.620	5.463.091.415	5.463.091.415
	11.114.163.767	11.114.163.767	10.612.040.663	10.612.040.663

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- AK Trading Co., Ltd	1.105.067.154	-
- Chen Foods (Sorelle Group Pty., Ltd)	-	674.554.871
- Các khoản công nợ trước cổ phần hóa	389.925.937	389.925.937
- Các đối tượng khác	1.213.340.501	459.329.376
	2.708.333.592	1.523.810.184

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	13.951.927	-	-	-	13.951.927	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	10.656.154	-	-	-	10.656.154	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.835.674	-	-	-	37.835.674	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	63.305.931	932.849.049	991.692.142	-	4.462.838
- Thuế tài nguyên	-	-	1.894.080	1.894.080	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	2.611.785.850	4.242.761.886	5.557.879.367	-	1.296.668.369
- Các loại thuế khác	-	-	218.471.124	218.471.124	-	-
	62.443.755	2.675.091.781	5.395.976.139	6.769.936.713	62.443.755	1.301.131.207

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí phải trả khác	1.619.174.223	517.142.266
	1.619.174.223	517.142.266

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	135.372.000	-
- Bảo hiểm xã hội	223.564	-
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.148.900	90.148.900
- Phải trả tiền lãi vay	644.996.818.271	548.888.212.994
+ Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên lãi vay vốn	24.799.354.131	24.799.354.131
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay VND	146.513.333.340	134.016.200.003
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay vàng	473.683.930.800	390.072.638.860
- Phải trả về kinh phí ngành	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bán giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50	240.931.000	240.931.000
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Quỹ phúc lợi cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn	74.931.310	74.931.310
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh	10.622.075	10.622.075
- Phải trả khác	71.467.085	-
	661.243.951.894	564.928.283.968
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.751.629.226	2.556.729.226
	2.751.629.226	2.556.729.226

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	11.267.612.814	11.267.612.814
- Phải trả về cổ phần hoá ⁽¹⁾	90.148.900	90.148.900
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	644.996.818.271	548.888.212.994
- Phải trả tiền lãi vay ⁽¹⁾	24.799.354.131	24.799.354.131
+ Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên lãi vay vốn	146.513.533.340	134.016.200.003
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay VND	473.683.930.800	390.072.658.860
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay vàng	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về kinh phí ngành ⁽²⁾	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả về tài sản bán giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	240.931.000	240.931.000
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50 ⁽²⁾	208.594.004	208.594.004
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT ⁽²⁾	81.697.182	81.697.182
- Trích nộp Quỹ phúc lợi cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	68.034.000	68.034.000
- Kinh phí di dời ⁽²⁾	74.931.310	74.931.310
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn ⁽²⁾	10.622.075	10.622.075
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh ⁽²⁾	661.036.889.245	564.928.283.968
	28.196.074.985	28.196.074.985

đ) Phải trả khác là các bên liên quan
 Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37.

Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn

⁽¹⁾ Khoản lãi vay liên quan tới khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) và Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên không có khả năng thanh toán.

⁽²⁾ Các khoản công nợ phải trả phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước khi cổ phần hóa đang chờ quyết toán.

⁽³⁾ Trong đó, bao gồm số tiền 11,178 tỷ đồng liên quan đến nguồn vốn Sở Tài chính cấp cho Công ty để thực hiện Dự án Nhà máy Tân Tạo từ thời điểm xác định GTDN đến sau thời điểm cổ phần hóa. Theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII ngày 29/05/2020 thì khoản này sẽ tăng vốn nhà nước.

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	764.424.375	716.398.500
	764.424.375	716.398.500

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(734.801.386.250)	(644.969.563.949)
Lỗ trong năm trước	-	-	(206.050.676.743)	(206.050.676.743)
Tăng khác	-	-	1.965.713.000	1.965.713.000
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(938.886.349.993)	(849.054.527.692)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(938.886.349.993)	(849.054.527.692)
Lỗ trong năm nay	-	-	(138.711.298.066)	(138.711.298.066)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.077.597.648.059)	(987.765.825.758)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	30,00	26.401.980.000	30,00	26.401.980.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư SFC	41,10	36.168.000.000	22,81	20.076.020.000
- Bà Hồ Thị Sương	0,00	-	18,02	15.855.000.000
- Ông Tạ Bá Thuyết	2,27	2.000.000.000	2,27	2.000.000.000
- Cổ đông khác	26,63	23.430.020.000	26,89	23.667.000.000
	100	88.000.000.000	100	88.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000

d) Cổ phiếu	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		
f) Các quỹ của công ty	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.831.822.301	1.831.822.301
	1.831.822.301	1.831.822.301

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài	31/12/2021	01/01/2021
Công ty hiện đang cho thuê kho tại số 157 Hưng Phú, phường 08, quận 08, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	4.813.023.900	4.813.023.900
	4.813.023.900	4.813.023.900

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất hoặc được giao đất trả tiền sử dụng hàng năm theo quyết định số 5196/QĐ- UBND ngày 09/10/2005 tại thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng. Theo các hợp đồng và các quyết định giao đất này, Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước, chi tiết như sau:

Địa chỉ	Diện tích (m2)	Nội dung
Trại cá tại xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	25.211,00	Đất thuê đến năm 2021.
Số 157 Hưng Phú, phường 08, quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh.	7.800,80	Đất thuê hiện đang trong quy hoạch dự án công viên cây xanh.
Số 49 Ông Ích Khiêm, phường 10, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.	1.492,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 153 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.	671,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 117 Nghĩa Thục, phường 05, quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh	401,10	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 469 Bạch Đằng, phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	322,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 321 - 323 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	299,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 107/14 Lạc Long Quân, phường 03, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	293,20	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 109 Nguyễn Thái Sơn, phường 04, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	277,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 1103 - 1105 Trần Hưng Đạo, phường 05, quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh	193,50	Đất thuê đến năm 2020.
Số 48 - 50 Lê Văn Linh, phường 12, quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh	159,70	Đất thuê đến năm 2020.
Số 202 - 204 Hàn Hải Nguyên, phường 02, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	147,00	Đất thuê đến năm 2058.
Số 78 - 80 Nghĩa Thục, phường 05, quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh	134,50	Đất thuê đến năm 2020.
Số 42 Trưng Nữ Vương, phường 04, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	89,30	Đất thuê đến năm 2058.
Số 98 Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh	75,20	Đất thuê đến năm 2058.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ (USD)	249.906,11	243.170,91

d) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Ông Trần Văn Tạo	383.646.000	383.646.000
	383.646.000	383.646.000
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	69.088.712.949	117.230.453.988
Doanh thu bán thành phẩm	205.036.446.805	191.878.840.044
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.234.469.203	42.324.518.982
	304.359.628.957	351.433.813.014
23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	217.294.069	37.111.478
Hàng bán bị trả lại	1.091.260.409	1.372.941.204
	1.308.554.478	1.410.052.682
24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	60.120.615.024	104.631.824.907
Giá vốn thành phẩm đã bán	183.274.952.859	173.091.457.226
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.877.511.766	23.320.124.615
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.035.346)
	260.273.079.649	301.041.371.402
25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	926.617.324	2.659.240.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.568.900	21.864.685
	928.186.224	2.681.104.885

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	49.672.909.084	45.693.146.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	83.132.358.980	160.285.764.625
+ <i>Bù trừ Lãi/Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm</i>	4.273.886	(85.249.960)
+ <i>Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư gốc vay vàng cuối năm</i>	83.128.085.094	75.337.350.000
+ <i>Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư lãi vay vàng cuối năm</i>	-	84.833.664.585
	132.805.268.064	205.978.911.242

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.514.823.495	2.218.818.535
Chi phí nhân công	5.428.748.415	6.430.638.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	729.063.018	753.698.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.480.353.731	9.179.741.396
Chi phí khác bằng tiền	16.427.312.578	20.798.444.471
	35.580.301.237	39.381.341.139

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ văn phòng	570.665.466	1.356.410.131
Chi phí nhân công	9.114.294.262	7.625.996.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	971.229.818	921.568.304
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(235.211.171)
Thuế, phí, lệ phí	10.894.080	11.710.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.122.090	1.397.692.529
Chi phí khác bằng tiền	3.073.028.286	1.123.800.274
	13.810.234.002	12.201.966.703

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập khác	1.877.835	31.015.783
	1.877.835	31.015.783

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	223.471.124	506.524
Chi phí xử lý nợ	82.528	182.460.733
	223.553.652	182.967.257

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(138.711.298.066)	(206.050.676.743)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.581.190.880)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(138.711.298.066)	(208.631.867.623)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(37.835.674)	(37.835.674)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(37.835.674)	(37.835.674)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(138.711.298.066)	(206.050.676.743)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(138.711.298.066)	(206.050.676.743)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(15.763)	(23.415)

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	163.918.945.119	161.408.684.824
Chi phí nhân công	45.035.501.148	44.549.092.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.285.431.918	5.477.036.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.237.845.907	21.264.804.011
Chi phí khác bằng tiền	23.946.296.388	26.369.016.709
	256.424.020.480	259.068.635.152

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán				
	31/12/2021		01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
VND	VND	VND	VND		
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.399.776.339	-	8.149.781.230	-	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	119.324.338.584	(105.347.832.613)	121.825.230.237	(105.347.832.613)	
Các khoản cho vay	15.000.000.000	-	25.000.000.000	-	
	142.724.114.923	(105.347.832.613)	154.975.011.467	(105.347.832.613)	

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	464.646.000.000	427.898.100.000
Phải trả người bán, phải trả khác	675.109.744.887	578.097.053.857
Chi phí phải trả	1.619.174.223	517.142.266
	1.141.374.919.110	1.006.512.296.123

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.399.776.339	-	-	8.399.776.339
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.810.021.951	166.484.020	-	13.976.505.971
Các khoản cho vay	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
	37.209.798.290	166.484.020	-	37.376.282.310
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.149.781.230	-	-	8.149.781.230
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.346.470.804	130.926.820	-	16.477.397.624
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
	49.496.252.034	130.926.820	-	49.627.178.854

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	464.646.000.000	-	-	464.646.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	672.358.115.661	2.751.629.226	-	675.109.744.887
Chi phí phải trả	1.619.174.223	-	-	1.619.174.223
	1.138.623.289.884	2.751.629.226	-	1.141.374.919.110
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	427.898.100.000	-	-	427.898.100.000
Phải trả người bán, phải trả khác	575.540.324.631	2.556.729.226	-	578.097.053.857
Chi phí phải trả	517.142.266	-	-	517.142.266
	1.003.955.566.897	2.556.729.226	-	1.006.512.296.123

Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ vẫn có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn và các nguồn lực tài chính khác.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh thủy hải sản	Giá công và dịch vụ khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	272.816.605.276	30.234.469.203	303.051.074.479
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.421.037.393	13.356.957.437	42.777.994.830
Tổng chi phí mua TSCĐ			1.407.695.060
Tài sản bộ phận	10.973.719.221	2.918.029.199	13.891.748.420
Tài sản không phân bổ			148.841.914.108
Tổng tài sản	10.973.719.221	2.918.029.199	162.733.662.528
Nợ phải trả của các bộ phận	1.037.113.821	96.692.126	1.133.805.947
Nợ phải trả không phân bổ			1.149.365.682.339
Tổng nợ phải trả	1.037.113.821	96.692.126	1.150.499.488.286

Theo khu vực địa lý:

	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	178.414.082.513	124.636.991.966	303.051.074.479
Tài sản bộ phận	95.805.557.343	66.928.105.185	162.733.662.528
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	1.407.695.060	1.407.695.060

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:
 Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn			
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	28.196.074.985	28.196.074.985

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao, Thu nhập trong năm	
		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
- Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>(Bổ nhiệm từ ngày 30/07/2020, trước đó là thành viên HĐQT)</i>	-	-
- Ông Hoàng Văn Vỹ	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
- Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
- Ông Trương Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>(Miễn nhiệm từ ngày 30/07/2020, đến nay là thành viên HĐQT)</i>	730.841.000	770.100.000
	Tổng Giám đốc		
- Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc	519.798.000	562.320.000
- Ông Ngô Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc <i>(Nghỉ việc từ ngày 26/06/2020)</i>	-	295.680.000
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc	463.641.000	512.000.000

Ngoài các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập

Đoàn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thu Hà

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2022
 Tổng Giám đốc



Trương Tiến Dũng

XÁC NHẬN NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature)

TRƯƠNG TIÊN DŨNG

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX (Để công bố thông tin);
- HĐQT (Để báo cáo);
- Ban KS (Để TT);
- Lưu P.TCHC, TK.HĐQT.